

TS. LÂM MINH THUẬN
Th.S. CHẾ MINH TÙNG

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI THỦY CẦM (*Vịt, ngan, ngỗng*)



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

TS. LÂM MINH THUẬN
Th.S CHẾ MINH TÙNG

23565

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI
THỦY CẦM
(VỊT, NGAN, NGỒNG)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH - 2004

LỜI NÓI ĐẦU

Chăn nuôi thủy cầm, đặc biệt ngành chăn nuôi vịt chạy đồng là ngành chăn nuôi truyền thống lâu đời ở Việt Nam gắn liền với nghề trồng lúa nước. Những năm gần đây số lượng vịt, ngan và ngỗng tăng nhanh với tốc độ tăng khoảng 5,7% hàng năm. Hiện nay số lượng vịt của Việt Nam đứng thứ 2 trên thế giới sau Trung Quốc, sản lượng thịt ở vị trí thứ 4 và trứng vịt tham gia khoảng 40% thị trường trứng của nước ta.

Cùng với các giống vịt, vịt xiêm hiện hữu, những giống vịt cao sản chuyên thịt như vịt CV super M, 3 dòng ngan Pháp, vịt chuyên trứng như CV 2000, Khaki Campbell cũng đã được nhập về, qua hệ thống giống đã được phát triển rộng khắp góp phần thay đổi quy mô cũng như phương thức nuôi vịt tại Việt Nam.

*Với những kết quả nghiên cứu của các nhà chuyên môn cùng với kinh nghiệm thực tế có được, chúng tôi hy vọng rằng sách **"Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm"** sẽ giúp ích cho nhà chăn nuôi, các nhà chuyên môn trong kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng để đạt hiệu quả cao trong chăn nuôi vịt, vịt xiêm và ngỗng.*

Với khuôn khổ giới hạn, cuốn sách “Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm” không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến xây dựng của quý độc giả, các đồng nghiệp để quyển sách này hoàn chỉnh hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

Phần 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VỊT

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VỊT TRÊN THẾ GIỚI

Nhóm thủy cầm chân màng thuộc họ *Anatidae* trong bộ *Anseriformes* được thuần hóa và phát triển ở vùng châu Á mà chủ yếu là Trung Quốc và một số vùng ở châu Âu. Qua nhiều thời kỳ phát triển cho đến nay Trung Quốc và vùng Đông Nam Á là nơi có đàn vịt chiếm 82% tổng số vịt trên thế giới (Lê Bá Lịch, 2001). Sản lượng thịt vịt chiếm tỷ lệ 0,69% (1991), 1,14% (2000) trong tổng sản lượng thịt các loại nói chung, 3,4% (1991), 4,2% (2000) và 4,33% (2002) trong số thịt gia cầm nói riêng. Tỷ lệ thịt vịt và thịt ngỗng có xu hướng ngày càng tăng (Bảng 1). Trứng vịt không được phổ biến trên thế giới như thực phẩm nhưng ở châu Á trứng vịt cũng chiếm tỷ lệ khoảng 35 – 40% trong tổng số trứng.

Hiện nay trên thế giới, ngành chăn nuôi vịt có nhiều tiến bộ nhanh về công tác giống với nhiều giống và tổ hợp lai mới theo hướng chuyên thịt và chuyên trứng. Tùy vào nhu cầu về thịt và trứng của thị trường

từng khu vực mà tốc độ phát triển về đầu vịt và sản lượng thịt trứng khác nhau. Ở châu Âu nhu cầu về thịt vịt tăng không ngừng mà số lượng vịt nuôi không tăng nhiều nên đã phải nhập khẩu số lượng lớn thịt vịt. Có nhiều nghiên cứu cho thấy thịt vịt nói riêng, thịt thủy cầm (nhóm chân màng) nói chung có chứa nhiều axit béo không no omega 3 như oleic, linoleic, chứa ít axit béo no hơn so với thịt gà, thịt heo và thịt bò nên những vùng dân cư ăn nhiều thịt vịt, thịt ngỗng tỷ lệ người mắc bệnh tim mạch thường thấp hơn so với các vùng khác (C. Reno, 1987).

Bảng 1. Sản lượng thịt vịt và thịt gia cầm năm 1991, 2000 và 2002 (triệu tấn)

Thời điểm	Năm 1991	Năm 2000	Năm 2002
Thịt gia cầm	37,8	66,0	73,9
Thịt vịt	1,27 (chiếm 3,4%)	2,77 (chiếm 4,2%)	3,2 (chiếm 4,33%)
Thịt ngỗng	0,76 (chiếm 2,0%)	1,91 (chiếm 2,9%)	2,7 (chiếm 3,65%)

Nguồn: FAO (1992, 2001 và 2003)

Ở châu Á, trứng vịt là món ăn phổ biến của nhiều vùng dân cư, thịt vịt và trứng vịt ở vùng châu Á là món ăn đặc sản như vịt quay Bắc Kinh, ngỗng quay Mã lai nổi tiếng trên thế giới.

Số lượng vịt tăng nhiều ở khu vực châu Á, hiện nay hơn 80% số vịt được nuôi ở châu Á, trong đó Trung Quốc là nước có số đầu vịt và ngỗng nhiều nhất thế giới và Việt Nam đứng vị trí thứ 2 (Bảng 2).

Bảng 2. Những nước có số đầu vịt và sản lượng thịt vịt đứng đầu thế giới năm 2001

TT	Tên nước	Số vịt (triệu)	TT	Tên nước	Thịt vịt (1000 tấn)
1	Thế giới	915,369	1	Thế giới	2.886,898
2	Trung Quốc	635,874	2	Trung Quốc	1.959,98
3	Việt Nam	57,0	3	Pháp	235,0
4	Indonesia	26,284	4	Thái Lan	105,0
5	Pháp	23,8	5	Việt Nam	67,8
6	Thái Lan	23,0	6	Malaysia	50,6
7	Ucraina	20,0	7	Hoa Kỳ	49,0
8	Bangladesh	13,0	8	Hàn Quốc	48,0
9	Malaysia	13,0	9	Ả Rập	41,86
10	Philippines	12,5	10	Đức	41,0
11	Ả Rập	9,2	11	Anh	41,0

(Nguồn: Fao, 2002)

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VỊT TẠI VIỆT NAM

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á có khí hậu nhiệt đới và nền văn minh lúa nước. Việt Nam có diện tích đất trồng lúa nước trên 4,3 triệu hecta. Ngoài ra còn có diện tích mặt nước ao hồ, sông ngòi, kênh rạch lên đến hàng vạn hecta nên chăn nuôi vịt là ngành chăn nuôi truyền thống lâu đời. Trải qua thời gian dài phát triển ngành chăn nuôi vịt đã hình thành nhiều phương thức chăn nuôi khác nhau. Thời gian gần đây số đầu vịt của Việt Nam tăng nhanh, Việt Nam đứng thứ 5 về số đầu vịt năm 1998 đã vươn lên vị trí thứ 2 năm 2001.

Bảng 3. Số đầu vịt nuôi ở Việt Nam

Thời kỳ	Số lượng vịt/ năm (triệu con)	Tỷ lệ % trong dàn gia cầm
1986 - 1990	23,6	22,1*
1991 - 1995	28,6	23,0 *
1996 - 2000	45,0	22,9 *
2001	57,0	24,1 **
2002	61,0	25,0 **

* Lê Bá Lịch (2001), * * FAO (2002, 2003)

Thời kỳ 1995 – 2000 sản xuất được 45.000 tấn thịt vịt, chiếm tỷ lệ 25% tổng số thịt gia cầm. Trứng vịt 0,8 - 1,0 tỷ quả trứng vịt, chiếm khoảng 30% tổng sản lượng trứng gia cầm, sản xuất 2000 – 3000 tấn lông vịt/năm. Đến năm 2005 số vịt tăng bình quân 7%/năm, đạt 70 nghìn tấn thịt vịt, 1,5 tỷ quả trứng vịt và 3500 tấn lông. Số lượng vịt tăng nhanh từ năm 1990 đến năm 2000, từ đó sản lượng thịt vịt và trứng cũng tăng đáng kể nhưng lượng thịt vịt tiêu thụ trên đầu người ở Việt Nam từ 0,7 – 0,8 kg là rất thấp vì vậy theo nhận định của các chuyên gia thì phát triển ngành chăn nuôi vịt cần đẩy mạnh hơn nữa.

Phần 2

CÁC GIỐNG VỊT VÀ NGŨNG

I. NHÓM VỊT ĐỊA PHƯƠNG

Là nhóm vịt gắn với nghề trồng lúa nước của khắp vùng đồng bằng từ Bắc tới Nam, đặc trưng là nhóm vịt chạy đồng giỏi, chịu khó kiếm mồi, tính bầy đàn cao, tầm vóc nhỏ, năng suất trứng tương đối cao.

1. Vịt Cỏ

Vịt con mới nở có màu lông đen với 4 đốm trắng trên lưng, vịt trưởng thành màu lông cánh sẻ đặc trưng. Bộ lông dày, lông mọc nhanh. Hiện nay, giống vịt này bị pha tạp nhiều nên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có chương trình giữ gen thuần vịt. Đây là giống vịt địa phương quý chịu đựng kham khổ, kiếm mồi giỏi, năng suất trứng khá cao cần được bảo vệ. Lê Viết Ly và cộng sự nghiên cứu quỹ gen vịt Cỏ tại Hà Tây cho thấy tỷ lệ nuôi sống đến 8 tuần tuổi khá cao 93 – 98% trong 6 thế hệ. Vịt Cỏ có khối lượng cơ thể nhỏ, tăng trọng chậm, xu hướng phát triển theo hướng sản xuất trứng.

Trọng lượng cơ thể lúc 1 ngày tuổi nặng 40 – 42g, 3 tuần tuổi vịt trống nặng 210 – 220 g lớn nhanh hơn vịt mái rõ rệt. Lúc 1 năm tuổi vịt trống nặng 1,7 – 1,9kg, vịt mái nặng 1,6 – 1,7 kg, lúc này trọng lượng vịt cái chiếm khoảng 80% trọng lượng vịt đực.

Bảng 4. Trọng lượng vịt Cỏ

Lứa tuổi	Trống (g/con)	Mái (g/con)
1 ngày	42	40
3 tuần	210 – 220	160 – 185
8 tuần	1052 – 1100	950 – 967
5 tháng	1600 – 1800	1450 – 1550
1 năm	1700 – 1900	1600 – 1700

Vịt mái đẻ trứng đầu lúc 5 tháng tuổi, năng suất trứng trong năm đẻ đầu 223 – 248 quả, trọng lượng trứng 60 – 65 g, vỏ trứng màu trắng xanh, tỷ lệ ấp nở cao đạt 84 – 87%.

2. Vịt Tàu

Là nhóm giống có tầm vóc nhỏ tương đương với vịt Cỏ nhưng màu sắc lông đa dạng hơn, từ màu trắng, màu đen, màu phen với mỏ và chân xám. Vịt Tàu được nuôi phổ biến ở các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ nhưng chưa có nghiên cứu về nhóm giống này. Vịt con mới nở nặng 40 – 43 g, màu lông vàng sáng hoặc với những vệt xám vùng đầu, cổ và lưng. Vịt trưởng thành có nhiều màu sắc lông riêng biệt. Trọng lượng 3 tháng tuổi vịt trống nặng 1,5 – 1,6 kg, vịt mái nặng 1,0 – 1,1 kg. Vịt bắt đầu đẻ lúc 5 tháng khi trọng lượng vịt mái nặng 1,4 – 1,6 kg, trọng lượng 1 năm tuổi vịt trống nặng 1,7 – 1,9 kg, vịt mái nặng 1,6 – 1,7 kg. Năng suất trứng khoảng 180 – 190 trứng/1 năm, trọng lượng trứng khoảng 60 – 65 g với nhiều màu từ hồng đến trắng xanh. Vịt Tàu và vịt Cỏ có lẽ cùng nhóm nhưng do từng địa phương chọn lọc nên màu sắc có thể thay đổi. Hiện nay, nhóm vịt này bị pha tạp nhiều nên màu lông cũng rất đa dạng.

II. NHÓM VỊT NHẬP NỘI LÂU ĐỜI

Là nhóm có tầm vóc lớn, nuôi trên ao hồ, mặt nước giới hạn.

1. Vịt Bắc Kinh

Được nhập vào Việt Nam từ lâu, nuôi phổ biến ở khắp cả nước, còn gọi là vịt bầu, lông màu trắng, mỏ và chân vàng cam, thân hình to thô, đi lạch bạch, nặng nề, kiếm mồi giỏi trên ao hồ, sông rạch. Hiện nay do có nhiều giống mới có mức tăng trọng nhanh nên vịt Bắc Kinh hầu như không phát triển mà ngày càng bị thay thế bằng giống vịt cao sản. Vịt Bắc Kinh có trọng lượng 1 ngày tuổi 45 – 50 g, trọng lượng 3 tháng tuổi vịt trống có thể đạt 1,7 - 1,8 kg, vịt mái nặng 1,4 – 1,5 kg. Vịt trưởng thành trống nặng 2,8 – 3,0 kg, vịt mái 2,5 – 2,7 kg. Vịt bắt đầu đẻ lúc 6 tháng tuổi, năng suất trứng 150 – 160 trứng/năm, vỏ trứng màu trắng hồng, trọng lượng trứng 65 – 70 g.

2. Vịt Hòa Lan

Là giống vịt được nhập từ châu Âu, lông màu nâu nhạt, phớt tím, có vệt xanh biếc ở cổ và cánh, chân và mỏ màu xám. Tầm vóc trung bình, gọn nhẹ hơn vịt Bắc Kinh, thích hợp nuôi trên mặt nước ao hồ nhưng cũng có thể chạy đồng giới. Trọng lượng vịt con 1 ngày tuổi nặng 40 – 45 g, 3 tháng tuổi vịt trống nặng 1,5 – 1,7 kg, vịt mái 1,2 – 1,4 kg. Vịt trưởng thành trọng lượng vịt trống là 2,5 – 2,6 kg và vịt mái là 1,7 – 1,8 kg. Vịt bắt đầu đẻ lúc 5 tháng tuổi, năng suất trứng khoảng 130 – 140 trứng/năm. Hiện nay, giống vịt này cũng không nuôi phổ biến mà bị pha tạp nhiều.

III. NHÓM VỊT CAO SẢN

1. Vịt Anh Đào

Là giống vịt chuyên thịt cao sản của hãng Cherry Valley (Anh) phát triển từ giống vịt Bắc Kinh vào những năm của thập niên 70. Vịt Anh Đào thích hợp với phương thức nuôi công nghiệp nhốt hoàn toàn hoặc giới hạn trên mặt nước ao hồ. Ngoại hình to thô, nặng nề, đi lại lạch bạch. Bộ lông trắng, ít lông, mới nở màu vàng chanh, mỏ và chân màu vàng cam. Vịt Anh Đào có sức sinh trưởng cao, trọng lượng lúc 8 tuần là 2,8 kg với mức tiêu tốn thức ăn/kg trọng lượng sống là 2,6 – 2,8 kg. Việt Nam nhập vịt Anh Đào từ những năm 80 nuôi tại trại vịt Phước Long. Trại tồn tại khoảng 4 – 5 năm nhưng giống vịt Anh Đào hiện được phát tán và lai với các giống như vịt Tàu, vịt Cỏ, vịt Bắc Kinh, vịt Hòa Lan cho con lai có sức sinh trưởng tốt và có thể chạy đồng tốt.

2. Vịt siêu thịt (Super meat)

Cũng là giống cao sản chuyên thịt của hãng Cherry Valley (Anh) ngoại hình tương tự như Anh Đào nhưng có thể nuôi nhốt thâm canh, nuôi bán thâm canh và chạy đồng cải tiến. Sức sinh trưởng cao, trọng lượng 52 ngày nuôi nhốt thâm canh đạt 3,2 kg với mức tiêu tốn thức ăn 2,6 – 2,8 kg/kg thể trọng. Nếu nuôi thả chạy đồng trọng lượng đạt 2,8 – 3,0 kg lúc 55 – 60 ngày tuổi, tiêu tốn 1,8 – 2,2 kg thức ăn/kg thể trọng.

Trại vịt Vigova thuộc Viện Chăn nuôi quốc gia nhập giống ông bà nuôi theo dòng hạt nhân từ những năm 1989. Từ những năm 1990, trại Vigova đã xây

dựng quy trình công nghệ dòng, tạo dòng mới và từng bước nâng cao năng suất và tính thích nghi của giống vịt cao sản này. Hiện nay nhóm cải tiến M1 và M2 năng suất cao hơn hẳn so với thế hệ ban đầu, từ đây đã xây dựng được hệ thống giống vịt từ giống ông bà, đến giống cha mẹ hoạt động rất có hiệu quả.

3. Khaki Campbell

Là giống vịt chuyên dụng được phát triển từ vịt địa phương của châu Âu với vịt chạy Ấn Độ từ những năm 60 của thế kỷ 20. Màu lông Khaki từ vàng nhạt đến vàng sậm đặc trưng nên có tên của giống, tầm vóc thon nhẹ, thanh mảnh, cổ cao, đầu thon nhỏ. Qua nhiều năm chọn lọc và phát triển nên hiện có khoảng hơn 150 dòng, tùy địa phương ưa chuộng màu Khaki đậm hoặc nhạt. Vịt Khaki Campbell được du nhập vào nhiều quốc gia trên thế giới, ở mỗi nơi lại có những công thức lai cải thiện năng suất trứng của giống địa phương như ở Thái Lan có con lai giữa Khaki Campbell với vịt địa phương Parnam nổi tiếng.

Vịt Khaki Campbell được nhập vào Việt Nam từ Thái Lan năm 1999 và nhanh chóng phát triển trong toàn quốc. Vịt có tính thích nghi cao, có thể nuôi nhốt thâm canh, nuôi trên ao hồ, nuôi thả vườn hay nuôi chạy đồng đều cho hiệu quả kinh tế cao. Năng suất trứng đạt 260 – 300 trứng/năm, tiêu tốn thức ăn/10 trứng tùy thuộc vào hình thức chăn nuôi. Trọng lượng trứng 65 – 70 g, vỏ trứng màu trắng hồng. Nuôi nhốt thâm canh hiệu quả kinh tế không cao bằng nuôi thả kết hợp cho ăn thêm thức ăn hỗn hợp.

Bảng 5. Năng suất một số dòng vịt cao sản đang được nuôi ở các tỉnh phía Nam

Chỉ tiêu	Hướng chuyên thịt			Chuyên trứng	
	CV-M	CV-M1	CV-M2	Khaki Campbell	CV2000
Vịt bố mẹ					
Trọng lượng lúc vào đẻ					
+ Trống (kg)	3,6	3,8	4,1	1,8	2,0
+ Mái (kg)	3,0	3,2	3,45	1,5	1,8
Tuổi bắt đầu đẻ (tuần)	24	24	24	21	21
Sản lượng trứng (quả)*	200	200	185	250	275
Trọng lượng trứng (g)	82	83	86	65	75
Lượng TA/ngày vịt đẻ (g)	205	210	230	130	150
Tỷ lệ trứng có phôi (%)	95	95	90	95	95
Tỷ lệ ấp nở / phôi (%)	85	85	85	85	85
Vịt thương phẩm					
Thời gian nuôi					
+ Nhốt thâm canh (tuần)	8	8	7-8		
+ Nuôi thả đồng (tuần)	11	11	10		
TTTA/kg hơi (kg)**	2,95	2,8	2,7		
Tỷ lệ thịt xẻ (%)	71	72	72,5		
Tuổi đẻ đầu (tuần)				20	21
Tuổi đẻ 50% (tuần)				23	24
Tuổi đẻ đỉnh cao (tuần)				26	27-28
Trọng lượng trứng (g)				68 - 70	72 - 75
TTTA/ 10 trứng (kg)				2,1 - 2,2	2,0 - 2,1
Thời gian khai thác trứng (năm)				2 - 3	1-2

Nguồn: Dương Xuân Tuyển (2000)

* Sản lượng trứng vịt hướng thịt khai thác 40 tuần, vịt hướng trứng khai thác 52 tuần.

** Mức tiêu tốn thức ăn / kg vịt hơi nuôi nhốt thâm canh.

4. Vịt siêu trứng CV2000

Là sản phẩm của hãng Cherry Valley, lông trắng, thân hình trung bình, không thô, lông nhiều nên nhìn thấy có vẻ lớn. Được nhập vào Việt Nam từ những năm cuối thập niên 90, xây dựng dòng và phát triển nhanh khắp cả nước. Vịt CV2000 có thể trọng cao hơn vịt Khaki Campbell, năng suất trứng cũng cao hơn. Có lẽ do là giống vịt mới nên tính thích nghi chưa cao, thích hợp với hình thức nuôi nhốt thâm canh và bán thâm canh, chạy đông kém. Năng suất trứng đạt 280 – 300 trứng/năm, trọng lượng trứng 72 – 75 g, tiêu tốn 2,0 – 2,1 kg TĂ/10 quả trứng.

IV. CÁC GIỐNG VỊT XIÊM (NGAN)

Loại thủy cầm được nuôi phổ biến ở Việt Nam từ miền Bắc thường gọi là con ngan, đến miền Nam là con vịt Xiêm, thuộc loài *Cairnia mochata* với tên là *Muscovy*.

Vịt Xiêm có sức sống cao, có thể thích nghi với môi trường cạn và môi trường nước, chịu khó kiếm mồi, đẻ trứng, ấp trứng và nuôi con khéo. Ở Việt Nam, vịt Xiêm được phát triển ở hầu hết các địa phương với quy mô gia đình vài con đến vài chục. Vịt đẻ trứng, tự ấp và nuôi con 1 – 2 tháng lại đẻ tiếp lứa sau. Vịt Xiêm nội sinh sản quanh năm, mỗi năm đẻ 3 – 6 lứa phụ thuộc vào kỹ thuật nuôi, nếu không cho ấp thì vịt mái sớm đẻ lại và năng suất trứng cao hơn. Mỗi lứa đẻ khoảng 13 – 20 trứng. Hiện nay, do một số vùng coi vịt Xiêm là loại vịt đặc sản nên kỹ thuật nuôi cũng được cải tiến nhiều theo hướng sản xuất hàng hóa, nhập

một số giống vịt Xiêm cao sản của Pháp tạo nên một ngành chăn nuôi mới có nhiều triển vọng phát triển tốt vì vịt Xiêm có sức sống cao, khả năng chịu đựng tốt, kiếm mồi giỏi, khả năng sử dụng thức ăn thô xanh như rau, bèo, cỏ tốt hơn vịt, sau 5 tuần có thể sử dụng 30 – 40% thức ăn thô xanh. Thịt vịt Xiêm thơm ngon, da mỏng ít mỡ, cơ ức và cơ đùi dày hơn vịt. Một nhược điểm của vịt Xiêm là trọng lượng vịt mái chỉ bằng 54% trong lượng vịt trống. Ở Việt Nam hiện có một số giống sau:

1. Giống vịt Xiêm nội

➤ **Vịt loang đen trắng** (ngan sen): có tấm vóc thanh nhẹ, đi nhẹ nhàng, chiếm tỷ lệ lớn tới 65,41% trong tổng đàn vịt Xiêm. Khi mới nở vịt con có lông vàng rơm với những vết loang đen trên vùng đầu, cổ và thân, vịt trưởng thành có bộ lông loang đen trắng, mỏ và chân thường có màu xám.

➤ **Vịt Xiêm trắng** (ngan ré): có bộ lông trắng, dáng thanh nhẹ, chiếm khoảng 30% tổng đàn vịt Xiêm. Khi mới nở vịt con có màu lông vàng chanh, chân và mỏ vàng hoặc xám.

➤ **Vịt Xiêm đen** (ngan trâu): toàn thân đen có ánh xanh biếc, thân hình to thô, nặng nề hơn hai loại vịt trên, chiếm số ít, khoảng 4,5% trong tổng đàn.

Vịt Xiêm nội có đặc điểm chung là đầu thanh nhỏ, trán phẳng. Vịt xiêm chậm chạp, hiền lành, thích hợp nuôi trên vườn cũng như dưới nước. Trọng lượng 3 tháng tuổi vịt trống nặng 2,9 – 3 kg, vịt mái nặng 1,6 – 1,8 kg. Lúc 1 năm tuổi vịt trống nặng 3,8 – 3,9kg, vịt

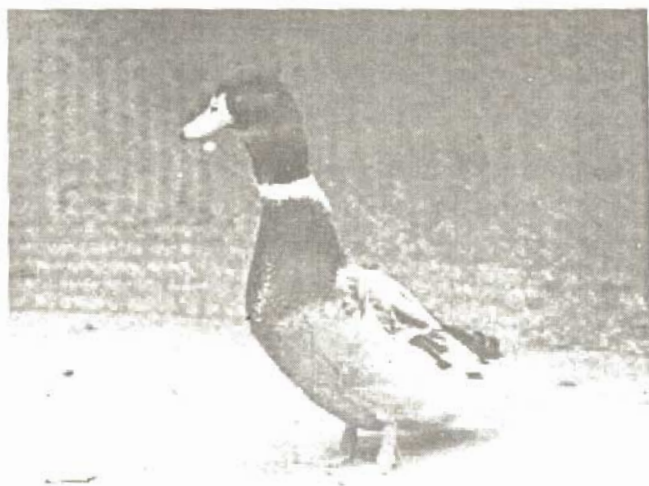
mái nặng 2 – 2,2 kg. Vịt Xiêm bắt đầu đẻ trứng lúc 6,5 tháng tuổi nếu nuôi dưỡng tốt, khi nuôi dưỡng kém có thể kéo dài tới 9 – 10 tháng mới bắt đầu đẻ.

Theo tác giả Lưu Kỷ, vịt Xiêm có thể khai thác đẻ trứng giống trong 3 năm, mỗi năm bình quân vịt loang đen trắng được 65 trứng, vịt trắng 69 trứng. Vịt Xiêm ấp và nuôi con giỏi, mỗi vịt mái một năm được khoảng 60 – 65 vịt con tương ứng.

Viện Chăn nuôi quốc gia nghiên cứu trên 2 giống vịt nội loang đen trắng và vịt trắng cho thấy năng suất của vịt Xiêm nội nuôi chăn thả với kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng tốt rất khả quan.

Bảng 6. *Năng suất thịt của 2 giống vịt Xiêm nội*

Chỉ tiêu	Vịt Xiêm loang		Vịt Xiêm trắng	
	Trống	Mái	Trống	Mái
Trọng lượng 1, ngày (g)	42,3	41,7	42,1	41,8
Trọng lượng 4 tuần (g)	474,6	367,3	465,4	368,9
Trọng lượng 8 tuần (g)	1816,8	1175,1	1806,5	1197,5
Trọng lượng 10 tuần (g)	2539,2	1550,8	2448,6	1582,8
Trọng lượng 12 tuần (g)	3002,6	1748,7	2942,3	1760,0
Tỷ lệ mót hàm (%)	67,94	67,52	68,40	66,92
Tỷ lệ thịt xẻ (%)	63,98	61,85	64,72	62,0
Tỷ lệ đùi (%)	15,53	14,16	15,24	14,08
Tỷ lệ ức (%)	14,05	15,38	13,85	15,20



Hình 1. *Vịt Rouen*



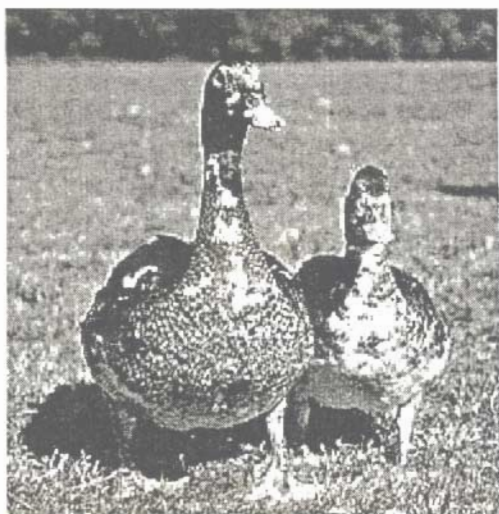
Hình 2. *Vịt Anh Đào*



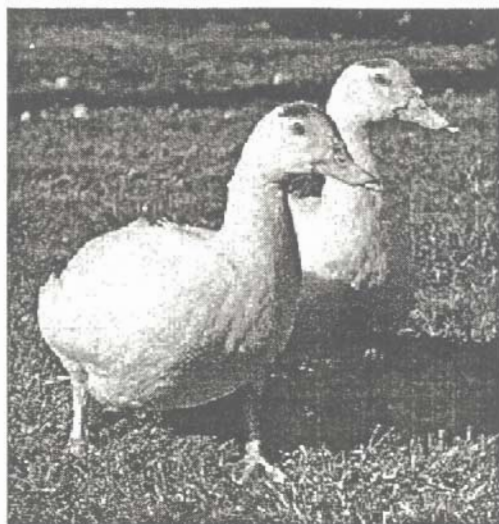
Hình 3. Vịt Xiêm trắng



Hình 4. Vịt Xiêm đen



Hình 5. Vịt Pháp R31



Hình 6. Vịt Pháp R51

Bảng 7. Khả năng sinh sản của hai giống vịt Xiêm nội

Chỉ tiêu	Vịt Xiêm loang đen trắng	Vịt Xiêm trắng
Tuổi đẻ trứng đầu (ngày)	235 – 236	225
Năng suất trứng (trứng)	66,3	70,8

2. Nhóm vịt Xiêm nhập nội

Vịt Xiêm cao sản là sản phẩm của hãng Grimaud Freres của Pháp được nhập vào Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90. Với năng suất cao, thịt có phẩm chất tốt, thích nghi cao với điều kiện khí hậu Việt Nam nên vịt Xiêm Pháp phát triển nhanh và mạnh ở các tỉnh phía Bắc. Những năm gần đây thịt vịt Xiêm được coi như món ăn đặc sản của Hà Nội và các tỉnh miền Bắc. Do thịt vịt Xiêm bị kiêng kỵ ở một số vùng nên phát triển chậm ở các tỉnh phía Nam. Hiện nay Viện Chăn nuôi quốc gia đang chọn lọc và phát triển 3 dòng vịt Xiêm cao sản.

➤ **Dòng vịt Xiêm R31 loang trắng đen:** là dòng vịt nặng cân được tuyển chọn theo hướng siêu thịt. Vịt con mới nở có màu lông vàng chanh với những vết phớt đen ở lưng và đuôi. Vịt trưởng thành bộ lông loang trắng đen, thân hình to thô, nặng nề, ức phẳng. Mỏ trắng có vết đen, chân màu xám. Trọng lượng vịt con mới nở 60 – 65 g, trọng lượng lúc 10 – 11 tuần vịt trống nặng 4,5 kg, vịt mái nặng 2,4 kg. Tỷ lệ thịt xẻ 68%.

Tiêu tốn thức ăn/kg thể trọng là 2,7 – 3,0 kg.

Vịt bắt đầu đẻ lúc 26 - 28 tuần tuổi, vịt mái đẻ theo 2 chu kỳ, chu kỳ 1 từ 26 tuần tuổi kéo dài 24 – 28 tuần, chu kỳ 2 từ 64 – 86 tuần, kéo dài 22 – 24 tuần. Giữa 2 chu kỳ thay lông và ngưng đẻ khoảng 10 – 12 tuần. Sản lượng trứng 2 chu kỳ khoảng 180 - 190 quả, tỷ lệ trứng có phôi cao, 93 – 95 %, tỷ lệ ấp nở khoảng 80%.

➤ **Dòng vịt trắng R51:** vịt con mới nở lông vàng rơm, con trưởng thành lông trắng tuyết, thỉnh thoảng có đốm đen trên đầu. Thân hình có vẻ nhẹ nhàng hơn dòng vịt loang, mỏ trắng có vết đen, chân vàng. Trọng lượng vịt con 60 – 65 g, có thể xuất thịt lúc 10 – 11 tuần tuổi với trọng lượng trống 4,0 – 4,2 kg, mái nặng 2,1 – 2,3 kg, tiêu tốn 2,8 – 3,0 kg thức ăn cho 1 kg thể trọng. Tỷ lệ thịt xẻ 66 – 67 %. Khả năng sinh sản tương đương với dòng vịt loang R31.

➤ **Vịt Xiêm siêu nặng:** có bộ lông trắng tuyết, vịt con mới nở màu vàng rơm giống như vịt dòng R51 nhưng khả năng sinh trưởng cao hơn, ức phẳng, đùi lớn. Vịt con mới nở nặng 65 – 70 g, con trống nặng 4,6 – 5,5 kg và con mái nặng 2,8 – 3,0 kg lúc 10 – 11 tuần tuổi. Tỷ lệ thịt xẻ 62 %. Khả năng sinh sản thấp hơn 2 dòng trên, bắt đầu đẻ lúc 28 tuần, sản lượng trứng 2 chu kỳ là 170 – 180 trứng.

Cả 3 dòng vịt Xiêm Pháp có tính thích nghi cao, có thể phù hợp với nuôi nhốt thâm canh trên sàn hoặc chuồng nền, cũng có thể nuôi thả vườn.

V. CÁC GIỐNG NGỔNG

1. Ngỗng Toulouse

Là giống nặng cân của Pháp, lông màu xám với vùng bụng trắng, chân ngắn. Giống ngỗng này có tốc độ tăng trọng nhanh, khả năng vỗ béo cao. Trọng lượng ngỗng mái trưởng thành nặng 8 - 9 kg, con trống nặng 15 - 16 kg. Một năm đẻ 24 - 40 trứng, trứng nặng 150 - 170 g. Ngỗng giao phối cần mặt nước nên trong mùa sinh sản cần có hồ nước để trứng có thể thụ tinh. Ngỗng Toulouse được tuyển chọn ngoài việc để nuôi lấy thịt còn cho gan to và chất lượng tốt, không hiếm có bộ gan nặng 0,8 - 1,0 kg.

2. Ngỗng Emden

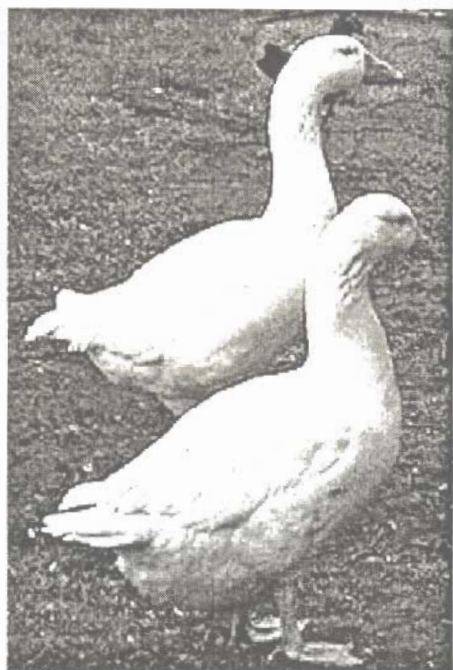
Là giống ngỗng của Đức được công nhận giống vào năm 1882. Ngỗng Emden có lông màu trắng, mỏ và chân màu vàng cam, cũng vào loại nặng cân, thân hình to lớn như ngỗng Toulouse. Ngỗng cái trưởng thành nặng 7 - 12 kg, ngỗng đực 14 - 15 kg, khả năng vỗ béo cao, thịt ngon, khả năng vỗ béo lấy gan cũng cao, có thể thu được gan trung bình nặng 0,4 - 0,5 kg. Một năm đẻ 30 - 40 trứng với trọng lượng trứng 150 - 180 g.

3. Một số giống ngỗng khác

Ngoài 2 giống trên cũng có nhiều giống khác có ý nghĩa kinh tế như ngỗng xám châu Âu, ngỗng nâu bụng trắng vùng bắc châu Á, ngỗng trắng Nga đều là những giống có tầm vóc cơ thể trung bình, nuôi lấy thịt và gan.



Hình 7. Ngỗng *Toulouse*



Hình 8. Ngỗng *Emden*

Phần 3

PHƯƠNG THỨC NUÔI VỊT

I. NUÔI VỊT CHẠY ĐỒNG

Phương thức nuôi vịt chạy đồng là hình thức chăn nuôi vịt lâu đời ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á, kết hợp tài tình giữa trồng lúa và nuôi vịt. Tùy từng vùng trồng lúa theo mùa vụ nhất định thì vịt cũng được nuôi cho phù hợp với mùa vụ lúa. Nuôi vịt chạy đồng phải tính toán, quy hoạch đồng bãi sao cho vịt hỗ trợ cho sự phát triển của cây lúa, vịt kiếm mồi tự nhiên trong ruộng lúa, ăn sâu rầy, côn trùng, ốc bươu vàng nhỏ và trứng ốc, vịt làm cỏ sục bùn kích thích lúa đẻ nhánh nhiều hơn. Sau vụ gặt, lượng lúa rơi vãi trên đồng theo ước tính khoảng 3 – 5% sản lượng nên vịt sẽ cần mẫn thu nhặt lại số lúa rơi. Trong quá trình chạy đồng, phân vịt giúp cho đất ruộng thêm màu mỡ giúp cây lúa phát triển tốt. Nuôi vịt chạy đồng có thể tiết kiệm được khoảng 30 – 40% thức ăn, từ đó giá thành thịt vịt thấp.

1. Thời vụ

Ở Việt Nam, từ lâu tồn tại 2 vụ lúa chính, miền Bắc lúa chín từ tháng 3 đến tháng 7, vụ lúa mùa từ tháng 8 đến tháng 11 dương lịch. Ở miền Nam vụ đông xuân vào đầu năm và hè thu vào cuối năm. Hiện nay kỹ thuật trồng lúa nước đã có nhiều tiến bộ theo hướng

thâm canh tăng vụ với các giống lúa ngắn ngày năng suất cao đã đưa sản lượng lúa của Việt Nam tăng lên nhanh chóng. Đồng thời giống vịt cũng đã phong phú hơn với năng suất cao hơn nên chăn nuôi vịt chạy đồng đã có những cải tiến sao cho nuôi vịt đạt hiệu quả kinh tế cao. Thâm canh lúa đi cùng với việc sử dụng nhiều phân bón vô cơ, thuốc trừ cỏ, trừ sâu rầy làm cạn kiệt nguồn môi tự nhiên, ô nhiễm nguồn nước đã tác động xấu tới ngành nuôi vịt chạy đồng.

Tùy từng địa phương có thời vụ cấy gặt khác nhau thời vụ nuôi vịt cũng phụ thuộc theo vụ lúa. Nguyên tắc khi lúa đứng cây có thể thả vịt đẻ, khi lúa chín vào vụ gặt vịt con nuôi thịt đã được 1 tháng có thể chạy đồng. Để tránh áp lực về con giống cũng như khi bán vịt thịt có thể linh hoạt tính toán thời vụ kết hợp thức ăn thêm để đạt hiệu quả kinh tế cao.

2. Điều kiện thích hợp nuôi vịt chạy đồng

- Ruộng lúa phải đủ rộng tối thiểu 500 m² nước thường xuyên để có môi tự nhiên như cua, ốc, rong, bèo cho vịt kiếm mồi. Khu vực gần mương nước, ao hồ là tốt nhất.

- Lập quy hoạch đồng bãi, không sử dụng thuốc trừ sâu, phân vô cơ nhiều làm giảm nguồn môi tự nhiên và gây ngộ độc cho vịt.

- Chọn giống vịt phù hợp, chạy đồng và kiếm mồi giỏi, những giống vịt Cỏ, Tàu rất nhanh nhẹn và chịu khó kiếm mồi nên phù hợp với nuôi lấy trứng. Với những giống cao sản nên kết hợp thả đồng tăng cường thức ăn phù hợp với tính năng sản xuất của chúng.

Hiện nay ngoài những giống vịt Tàu, vịt Cỏ có thể chọn vịt CV Super meat và con lai của chúng để nuôi thịt. Để sản xuất trứng chọn những giống Khaki Campbell và giống CV 2000.

- Không thả vịt trong ruộng lúa mới cấy mà chỉ thả vịt khi lúa đã đứng cây, khi lúa ra bông cứng hạt không thả vịt, chỉ thả vịt sau khi gặt lúa.

- Mật độ vịt thả trên đồng cũng rất quan trọng vì khi thả đúng mật độ thích hợp đảm bảo đủ mồi cho vịt và vịt không làm ngả lúa. Theo Phạm Văn Trượng (2001), mật độ trên 1000 m² ruộng có thể thả khoảng 200 vịt đẻ hoặc 250 – 300 vịt thịt từ 14 ngày tuổi, với mật độ này đảm bảo đủ thức ăn cho vịt.

II. NUÔI VỊT TRÊN MẶT NƯỚC GIỚI HẠN (TRÊN AO HỒ)

Đây là phương thức nuôi trên ao hồ, mặt nước có diện tích giới hạn, thường nuôi kết hợp vịt – cá ở nhiều nước trên thế giới. Phân vịt và thức ăn rơi vãi là nguồn thức ăn cho cá. Vịt ăn cua, ốc và cá tạp nên cá phát triển tốt hơn vì không có sự cạnh tranh thức ăn trong ao hồ, môi trường nước cũng được cải thiện đáng kể. Chuồng làm đơn giản bằng vật liệu tre nứa để kiếm ở địa phương có chức năng che nắng, che mưa cho vịt, nên bố trí ngay trên bờ ao hay làm sàn trên ao, có lối thoát cho vịt dễ dàng xuống nước. Chọn loại cá và thời điểm thả vịt sao cho cá không hại vịt và ngược lại.

Mật độ vịt tùy thuộc vào mức độ lưu thông nước, nước tù đọng không thích hợp cho cả vịt và cá. Ở ao hồ nước lưu thông thường xuyên thì mật độ thích hợp là

500 vệt trên 1 ha mặt nước. Ao sâu 1 - 1,2m, định kỳ hàng năm nạo vét, phát quang cỏ, bụi rậm xung quanh bờ, phơi ao, rút hết nước, đổ vôi sát trùng, diệt ốc và các mầm bệnh có hại cho cá và vịt.

Phương thức này có thể áp dụng nuôi các giống vịt cao sản chuyên thịt hoặc chuyên trứng với những ưu điểm như nuôi thâm canh cao, tỷ lệ nuôi sống cao hơn, thức ăn cho vịt có hàm lượng protein thấp từ đó giá thành thịt, trứng sẽ thấp. Thu lợi từ cá cũng làm tăng thu nhập trên mặt nước, có thể thu định kỳ 1 hay 2 lần trong năm nhưng cũng có thể thu hoặc cá hàng tháng tùy theo chủng loại cá nuôi. Phân bùn trong ao là nguồn phân hữu cơ quý cho trồng trọt.

III. NUÔI NHỐT THÂM CANH (NUÔI VỊT CÔNG NGHIỆP)

Phương thức nuôi thâm canh được áp dụng ở các nước phát triển như Anh, Đức, Pháp v.v... để nuôi vịt giống và vịt thịt thương phẩm. Ở nước ta nuôi vịt nhốt có giá thành thịt trứng cao nên ít được áp dụng. Nuôi nhốt trên nền trải chất độn chuồng hoặc trên sàn gỗ hoặc sàn lưới có ưu điểm thâm canh cao độ, nuôi với mật độ cao nên sản xuất được nhiều thịt và trứng/1m² diện tích chuồng.

Khi nuôi nhốt chuồng phải làm kiên cố bằng vật liệu dễ vệ sinh sát trùng. Nền chuồng có thể bằng đất nén chặt trải cát, xi măng, hoặc lát gạch nhưng nền chuồng phải thoát nước tốt, cao ráo. Hướng chuồng nên bố trí sao cho ánh nắng buổi sáng có thể chiếu vào nền chuồng nhưng tránh được ánh nắng buổi chiều vì bất

lợi cho vịt. Quanh chuồng phải thoáng dăng, không có bụi cây cỏ rậm rạp, tránh được chuột và thú hại vịt. Chuồng nuôi phải thông thoáng tốt bảo đảm nhiệt độ, ẩm độ và các khí độc dưới mức cho phép như CO_2 , NH_3 và khí H_2S .

Nên bố trí sân chơi với diện tích tối thiểu bằng 2 lần diện tích chuồng để vịt vận động, giảm lượng phân trong chuồng. Sân chơi có thể bằng xi măng, gạch lát dễ cọ rửa, có độ dốc xuống mương nước. Nếu không có ao hồ phải xây bể hoặc mương nước nhân tạo cho vịt tắm. Trong chuồng nuôi bố trí đủ máng ăn, máng uống. Thường có chuồng úm vịt con, chuồng nuôi vịt giò và vịt đẻ riêng.

Hiện nay có nhiều mô hình nuôi vịt kết hợp cho hiệu quả kinh tế cao như kết hợp vịt – lúa; vịt – lúa – cá; nuôi vịt thả vườn và nuôi bán chăn thả rất đa dạng.

IV. NUÔI VỊT THỊT

1. Nuôi vịt thịt chạy đồng truyền thống cải tiến

➤ Chọn vịt con

Nên chọn những giống vịt Tàu, vịt Cỏ, vịt Bắc Kinh, Hòa Lan và con lai của chúng có đặc tính chung là dễ nuôi, chịu khó kiếm mồi, tính hợp bầy cao. Năng suất thấp, thường nuôi 2,5 đến 3 tháng với trọng lượng xuất chuồng 1,5 – 1,8 kg. Những loại vịt này cũng có thị trường tiêu thụ lớn vì thị hiếu của người tiêu dùng thích ăn thịt thơm ngon, ít mỡ đặc biệt như vịt Cỏ Vân Đình, vịt Tàu Ô Môn.

Chỉ mua vịt con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, lông khô xộp và óng ánh. Màng chân sáng bóng, không hờ rốn, không có dị tật ở mỏ và chân. Vịt con lông khô, xơ xác, chân, màng chân và mỏ khô, hẳn là vịt bị mất nước sẽ còi cọc, chậm lớn.

Phải nắm được nguồn gốc của con giống và những thông tin về năng suất của giống vịt được chọn, uy tín của cơ sở giống.

➤ *Chuồng úm vịt con*

Chuồng úm vịt con có thể chọn khu vực thuận lợi như nguồn nhiệt sưởi ấm vịt con, an toàn cho vịt con về sinh học cũng như thú và tác nhân hại vịt. Vịt con thường được úm trong 2 tuần đầu, thường úm ở gần nhà hoặc trong trang trại, trên khu vực gần nguồn nước có bờ thoải thoải cho vịt con dễ dàng lên xuống. Chuồng úm vịt con có nền khô ráo, thoát nước tốt, tránh gió lùa, nền chuồng thường trải rơm rạ khô, cỏ khô hoặc trấu khô giữ ấm chân vịt. Tránh bùn lầy, nước đọng trong chuồng úm vì bùn sẽ gây bết lông, vịt bị lạnh sức kháng bệnh sẽ giảm, thậm chí vịt chết do giảm thân nhiệt.

Trước khi bắt vịt con về chuồng phải chuẩn bị chu đáo, đảm bảo sạch sẽ, ấm. Đã để trống chuồng sau khi sát trùng kỹ ít nhất 2 tuần. Vịt được sưởi ấm trong 3 ngày đầu với nhiệt độ dưới đèn khoảng 33 – 35°C, sau đó giảm dần nhiệt độ. Ban đêm khi nhiệt độ quá lạnh, vịt nằm túm tụm dưới đèn nên sưởi ấm cho đến khi vịt được 3 tuần tuổi lông phủ đã thay thế gần hết lông tơ thì không cần sưởi ấm. Tránh để vịt con bị lạnh, ướt

lông, tránh gió lùa, mưa tạt hay nền chuồng đọng nước.

➤ **Thức ăn cho vịt trong thời gian úm**

Phương thức cổ truyền, ngày đầu chỉ cho uống nước sạch, có thể cho uống nước lá hành hay nước tỏi (theo kinh nghiệm giã nát 100 g hành lá pha trong 2 lít nước hoặc 2 - 3 củ tỏi giã nát ngâm trong 2 lít nước). Từ ngày thứ 2 trở đi cho ăn tấm nấu thấm nước cho hết dính, vài ngày sau có thể thêm thức ăn động vật như bột cá, bột ruốc. Hiện nay có nhiều loại thức ăn hỗn hợp dạng viên rất tiện lợi. Chọn thức ăn hỗn hợp có tỷ lệ chất dinh dưỡng thích hợp với năng suất của vịt. Với vịt năng suất cao và con lai hiện nay có nhiều loại thức ăn hỗn hợp chất lượng tốt. Nên chọn thức ăn hỗn hợp của các cơ sở sản xuất có uy tín trên thị trường và luôn kiểm tra chất lượng thức ăn khi mua. Thức ăn cho vịt con phải có chất lượng tốt, không bị hư hỏng, không bị nấm mốc, hàm lượng mycotoxin, aflatoxin thấp dưới 20 ppb vì vịt rất mẫn cảm với độc tố của nấm mốc, đặc biệt aflatoxin.

Sau 1 tuần có thể cho vịt tập ăn thêm thức ăn như rau, bèo, cua còng và lúa nấu. Thức ăn bổ sung vào càng gần với nguồn thức ăn tự nhiên trên đồng càng tốt. Sang tuần 3 và 4 tăng dần lượng thức ăn bổ sung tùy theo tốc độ tăng trọng của vịt sao cho vịt ăn tốt những thức ăn tự nhiên để khi chạy đồng vịt đã quen với thức ăn tự nhiên trên đồng bãi như lúa, rau, bèo, cua còng, ốc, trùng đất và sâu rầy v.v...

Khi vịt được 1 tuần có thể cho vịt xuống nước vào những giờ nắng, sau đó khi vịt đã quen nước cho vịt

xuống tắm tự do. Vịt có thể chạy đồng khi được 3 tuần tuổi. Thời gian đầu nên thả vịt trên đồng bãi bằng phẳng, nước vừa phải, không quá sâu. Khi vịt lớn hơn cũng di chuyển từ từ sang đồng xa và địa hình khó khăn hơn.

Khi thả vịt ngoài đồng thường theo vụ lúa nên chuồng trại làm bằng vật liệu rẻ tiền, cơ động dễ di chuyển. Chuồng vịt bảo đảm che nắng che mưa vào ban ngày và là chỗ nhốt vịt vào ban đêm. Nên chọn khu đất bằng phẳng, có bóng mát cạnh nguồn nước, dựng lều, xung quanh quây bằng phên hoặc lưới.

Khi cho vịt chạy đồng nên quan sát tình trạng kiếm mồi của vịt để kịp thời bổ sung thêm thức ăn khi vịt đói. Nếu đồng bãi có đủ mồi vịt mãi mê kiếm ăn, lúc đó người chăn vịt quan sát vịt đầu đàn và những con vịt còi cuối đàn. Nếu thiếu mồi hoặc có thú hại vịt thì vịt đầu đàn kêu lên báo động, đàn vịt nháo nhác. Khi di chuyển đồng xa nên cho vịt vào lồng vận chuyển hỗ trợ vịt, tránh lùa ép vịt đi quá xa vịt sẽ mất sức lâu phục hồi.

Trưa nắng lùa vịt đến chỗ có bóng cây râm mát, có mặt nước cho vịt nghỉ, quan sát nếu vịt no bầu điều căng, sau khi tắm vịt nằm nghỉ. Nếu đói vịt kêu nhiều, điều nhỏ phải di chuyển đàn vịt sang cánh đồng khác, có thể phải bổ sung thêm thức ăn cho vịt. Sau hơn 1 tháng chạy đồng, khi lông cánh bắt đầu giao nhau thì tập trung vịt tại điểm nuôi thúc khoảng 10 – 14 ngày trước khi xuất thịt.

Đối với vịt năng suất cao và con lai chú ý cho thức ăn gồm thóc trộn với thức ăn hỗn hợp vào buổi sáng và

buổi tối, thức ăn cung cấp tùy theo sức sinh trưởng của vịt và tình trạng môi tự nhiên trên đồng. Lượng thức ăn cung cấp có thể dao động từ 50 đến 70% nhu cầu dinh dưỡng.

Quy trình phòng bệnh cho vịt cũng theo nguyên tắc “cùng vào – cùng ra” cho mỗi đàn vịt không nên nuôi vịt nhiều lứa tuổi trong một đàn. Chuồng trại phải đảm bảo vệ sinh tốt, không lầy lội, đọng nước. Chỉ cho thả vịt trên những cánh đồng biết chắc không bị nhiễm độc. Nếu trước đó có dịch bệnh thì không nên thả vịt trong vòng 2 tháng. Khu vực nước phèn hoặc nước mặn không thích hợp cho vịt chạy đồng.

Trong tuần đầu tăng sức kháng bệnh cho vịt bằng vitamin tổng hợp và chú ý bổ sung vitamin ADE. Cung kháng sinh hỗn hợp phòng bệnh đường hô hấp và đường ruột theo chỉ dẫn của từng loại thuốc. Chích ngừa dịch tả lúc 21 ngày, sau đó tái chủng sau 2 tháng. Định kỳ phòng bệnh bằng kháng sinh hỗn hợp cho vịt 2 tháng 1 đợt 3 – 5 ngày.

Nếu điều kiện khí hậu có nhiều bất lợi như nhiệt độ cao, ẩm thấp, tình trạng vệ sinh khu vực kém, xung quanh có đàn vịt bệnh phải chú ý chăm sóc nuôi dưỡng thật tốt. Tránh các yếu tố gây stress cho vịt như lạnh, lông bị bết ướt, có thể chủng ngừa vaccin tụ huyết trùng vào lúc 2 – 3 tuần tuổi.

2. Nuôi vịt thịt cao sản CV – super M thương phẩm

➤ Chọn vịt con

CV – super M và CV – super M₂ là 2 giống vịt thịt

cao sản do trại giống Vigova và hệ thống cấp 2 cung cấp. Vịt con chọn những con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, màng chân bóng, không hở rốn, không dị tật ở mỏ và chân, mỏ chắc chắn, mắt sáng tinh nhanh, bụng thon, lông óng mượt màu vàng sáng.

➤ *Úm vịt con*

Nên úm vịt con trong trang trại để dễ theo dõi và chăm sóc. Nên quây thành những ô nhỏ khoảng 200 con/ô để tránh dẫm đạp lên nhau gây chết vịt con khi có sự cố như cúp điện, xáo trộn.

➤ *Chuồng trại*

Chuồng nuôi phải sạch và ẩm khi thả vịt, nhiệt độ chuồng úm trong 2 – 3 ngày đầu phải đảm bảo 32 – 33°C, sau đó giảm dần mỗi tuần 2°C. Quan sát tình trạng đàn vịt để điều chỉnh nhiệt độ úm thích hợp. Khi đủ ấm vịt con phân tán đều trong chuồng, vịt linh hoạt, ăn nhiều. Nếu lạnh vịt nằm tùm tùm dưới đèn, ăn ít, uống nước ít. Khi nhiệt độ quá nóng vịt thở nhiều, há mỏ thở, ăn ít uống nước nhiều. Quá lạnh hoặc quá nóng đều ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng phát triển cũng như sức sống của vịt con. Chuồng vịt phải đủ ánh sáng cho vịt có thể ăn thức ăn tự do. Chuồng úm không bị gió lùa, an toàn cho vịt không bị chuột, chó, mèo hại vịt. Có thể úm vịt con trên lồng với mật độ 50 con/m² trong tuần đầu sẽ tiết kiệm được năng lượng sưởi ấm cho vịt, sang tuần thứ 2 phải thả xuống nền cho vịt vận động và tập xuống nước. Có thể úm dưới nền trải rơm, trấu khô giữ ấm cho vịt với mật độ 25 – 30 con/m² trong tuần đầu, sau đó dần mật độ dần tùy theo mức độ tăng

trọng của vịt con. Theo khuyến cáo của trại vịt Vigova mật độ nuôi nền như sau tuần thứ 2: 18 con/m², từ 3 đến 5 tuần 8 con/m² và từ 6 tuần trở đi 5 – 6 con/m². Khi nuôi nhốt phải có bể tắm cho vịt với kích thước 3 x 4 x 0,3 m cho 200 vịt. Hàng ngày cọ rửa và thay nước sạch vào bể cho vịt tắm. Cung cấp nước sạch cho vịt uống bằng máng riêng, trong nước uống có thể sử dụng viên thuốc sát trùng sẽ hạn chế bệnh đường ruột.

► **Thức ăn**

Thức ăn những ngày đầu phải dễ tiêu như tấm hoặc gạo lức nấu, thấm nước cho hết nhựa tránh gây dính bết lông vịt. Từ 3 – 21 ngày tùy điều kiện cụ thể có thể sử dụng thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh nhỏ với hàm lượng protein thô 22%, mức năng lượng trao đổi 3000 Kcal/kg thức ăn. Cho vịt ăn nhiều bữa trong ngày với lượng thức ăn vừa đủ cho vịt ăn hết, tránh dư thừa trong máng gây ỉm mốc, lượng thức ăn tăng dần theo lứa tuổi. Tập cho ăn thức ăn xanh như rau, bèo. Nếu không có thức ăn hỗn hợp trộn sẵn có thể cho vịt ăn tấm hoặc gạo lức nấu trộn thêm bột cá tốt hoặc bột ruốc khô và khô dầu đậu nành với tỷ lệ 5 : 1 : 2, khi cho ăn trộn thêm premix vitamin và khoáng theo chỉ dẫn. Thức ăn không để ôi thiu, mốc sẽ gây bệnh cho vịt. Nếu nuôi thả đồng nên tập cho vịt ăn thức ăn thêm lúa và môi tự nhiên, lúc đầu thóc nấu, sau đó lúa sống để vịt quen môi trên đồng sẽ kiếm môi tốt hơn.

Giai đoạn từ 22 ngày đến lúc xuất thịt có thể cho vịt chạy đồng, nếu vịt đói bổ sung thêm thóc và môi

tươi như cua còng, ốc bươu theo tỷ lệ 3 thóc : 2 mỗi tươi. Trước khi xuất thịt tập trung vịt lại nuôi thúc khoảng 7 – 10 ngày để vịt đủ trọng lượng, đủ lông khi giết thịt và thịt săn chắc, ít mỡ. Khu vực nuôi thúc nên chọn ao hồ, có mặt nước cho vịt bơi, tắm, thức ăn hỗn hợp dạng viên và thóc cho ăn tự do. Nuôi vịt thịt nhốt thâm canh có thể xuất thịt lúc 8 tuần khi trọng lượng vịt đạt 2,9 – 3,2 kg với mức tiêu tốn thức ăn 2,7 – 2,8 kg thức ăn/kg tăng trọng. Khi nuôi thả đồng, thời gian xuất chuồng kéo dài đến 10 – 11 tuần, trọng lượng đạt 2,7 – 2,9 kg với mức tiêu tốn thức ăn khoảng 1,7 – 1,8 kg/kg tăng trọng. Nuôi chăn thả tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên trên đồng, tận dụng thức ăn sẵn có ở địa phương giá rẻ nên giá thành 1 kg vịt thịt thấp hơn, thịt săn chắc và ít mỡ hơn.

Vịt siêu thịt tăng trọng nhanh nên thức ăn phải đủ chất dinh dưỡng như protein cân bằng các axit amin như lysin và methionin theo nhu cầu dinh dưỡng của từng lứa tuổi.

➤ Các loại thức ăn sử dụng nuôi vịt

Thức ăn cung năng lượng gồm có lúa, tấm, cám gạo mịn, có thể sử dụng tỷ lệ thấp khoảng 20% bấp nghiền làm thức ăn cho vịt. Do bấp dễ bị nấm mốc chứa độc tố aflatoxin là loại độc tố vịt rất nhạy cảm nên phải hết sức thận trọng. Chỉ sử dụng bấp sấy hoặc phơi khô và bảo quản tốt, không bị mốc, không chứa độc tố quá giới hạn cho phép. Vịt thích ăn lúa, có thể cho ăn lúa khô, lúa ngâm nảy mầm, lúa nấu. Tấm và gạo cũng là thức ăn ưa thích của vịt.

Bảng 8. Nhu cầu dinh dưỡng của vịt super M và M2 cải tiến

Chất dinh dưỡng	0 - 3 tuần tuổi	4 tuần - xuất chuồng
Protein thô (%)	21 - 22	17 - 13
ME (Kcal)	3000	2900
Lipid (%)	5	5
Xơ thô (%)	< 4	4
Ca (%)	1	0,9
P hữu dụng (%)	0,5	0,45
NaCl (%)	0,3	0,3
Lysin tối thiểu (%)	1,2	0,9
Methionin + Cystein tối thiểu (%)	0,8	0,7

Vịt cao sản có thể sử dụng mỡ động vật, dầu thực vật khoảng 2 - 3% để cung năng lượng cho vịt nhưng khi bổ sung dầu mỡ phải sử dụng ngay, không để lâu dầu mỡ bị ôi gây hại cho vịt.

Thức ăn cung protein gồm cá tươi, bột cá, con ruốc, tôm, tép, cua còng, ốc hến, côn trùng, trùn đất, sâu rầy. Trong thức ăn hỗn hợp bột cá lạt trên 55% protein được sử dụng làm nguyên liệu cung protein chính vì giá trị dinh dưỡng cao, cân bằng axit amin, chứa nhiều lysin và methionin, các khoáng đa lượng và vi lượng quý, thường sử dụng từ 8 - 12% bột cá trong thức ăn hỗn hợp cho vịt. Cá tươi cũng là thức ăn ưa thích của vịt nhưng phải chú ý men kháng vitamin B₁ trong ruột cá tươi, nên nấu chín cá tươi vừa phá hủy men kháng vitamin B₁ vừa tránh bệnh đường ruột cho vịt. Không nên cho vịt ăn mỗi tươi vào buổi tối vì dễ gây

ngộ độc cho vịt. Còng tươi, đầu tôm hấp chín cũng là nguồn thức ăn cung protein quý cho vịt.

Thức ăn protein thực vật như đậu nành, bánh dầu đậu nành, cám đậu xanh là nguồn protein quý cho vịt, đặc biệt trong thức ăn hỗn hợp. Với vịt cao sản phải cung cấp 70 – 100% thức ăn theo nhu cầu sinh trưởng của chúng.

V. NUÔI VỊT ĐỂ THƯƠNG PHẨM

1. Nuôi vịt đẻ chạy đồng

> Chọn giống

Nên chọn những giống vịt có tầm vóc nhỏ, như vịt Tàu, vịt Cỏ thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên ở địa phương, chịu khó kiếm mồi, tính hợp bầy cao, năng suất trứng và chất lượng có thể chấp nhận được. Con giống nên mua từ lò ấp có uy tín trong vùng, mua vịt con khỏe mạnh, chân và mỏ chắc, khỏe không dị tật.

> Úm vịt con

Vịt con được úm trong trại gần nhà như nuôi vịt thịt chạy đồng, sưởi ấm trong 3 – 5 ngày đầu, sau đó có thể cho vịt xuống nước trong những giờ nắng ấm.

> Thức ăn

Trong những ngày đầu bằng tấm nấu, khi vịt được 5 ngày cho vịt ăn mồi động vật như con ruốc, trùn đất, cá, sau đó là mồi tươi như cua còng, ốc v.v.. là những mồi vịt sẽ tìm kiếm trên đồng bãi sau này.

Tập cho vịt ăn lúa nấu khi vịt được 2 tuần với

lượng chiếm khoảng 1/3 tổng lượng thức ăn. Sau 3 tuần có thể thay dần thóc nấu bằng lúa sống và sau 25 ngày tập cho vịt chạy đồng. Thức ăn xanh có thể bổ sung khi vịt được 4 – 5 ngày tuổi, rong, bèo là thức ăn xanh ưa thích của vịt và thường sẵn có trên đồng bãi. Vì vịt sinh trưởng chậm nên thức ăn không cần hàm lượng protein cao, cho vịt ăn tự do nên chúng có thể tự lấy thức ăn theo nhu cầu của cơ thể.

➤ *Giai đoạn chạy đồng*

Cho chạy đồng suốt thời kỳ hậu bị, khi vịt chéo cánh chọn vịt cái tốt để nuôi đẻ, chỉ giữ lại ít vịt đực làm vịt đầu đàn, nếu không ấp trứng thì số vịt đực chỉ bằng 10% số vịt cái. Chọn vịt cái có bộ lông óng mượt, dáng đẹp, chân chắc, trọng lượng lúc 3 tháng tuổi vịt cái nặng khoảng 1,1 – 1,3 kg, vịt đẻ lúc 5 tháng tuổi với trọng lượng cơ thể lúc bắt đầu đẻ trứng là 1,5 – 1,6 kg.

Nuôi vịt hậu bị chạy đồng có thể không cần thêm thức ăn, tuy nhiên tùy theo tình trạng của vịt mà quyết định cho ăn thêm bao nhiêu sao cho vịt không quá gầy, không quá mập ảnh hưởng xấu tới khả năng đẻ trứng sau này. Khi vịt bắt đầu rớt hột tăng dần lượng thức ăn, khi vịt đẻ rộ (khoảng 30%) cho vịt ăn lúa và mỗi tươi vào buổi sáng trước khi chạy đồng và chiều tối cho ăn tự do.

Khi vịt đẻ nên làm chuồng trên vùng đất bằng phẳng gần đồng bãi, ban ngày cho vịt chạy đồng, tối nhốt vịt vào chuồng để vịt đẻ tập trung trong chuồng. Sáng thả vịt muộn sau 8 giờ để không bị thất thoát trứng. Trải rơm, cỏ khô làm thành ổ ở những chỗ khô

ráo trong chuồng cho vịt đẻ, ổ đẻ nên che mưa không bị ẩm ướt để làm hỏng trứng. Thu trứng vào buổi sáng, rửa những trứng bị dính bùn đất bằng nước ấm pha nước muối hoặc nước Javen lau khô trước khi xếp vào giỏ. Nên cho thêm thức ăn vào buổi sáng và chiều tối bằng lúa và mồi tươi tùy theo năng suất trứng và tình trạng thức ăn trên đồng bãi.

Phòng bệnh cho vịt cũng gần giống như nuôi vịt thịt chạy đồng, chú ý phải có nước sạch cho vịt uống, có thể pha thuốc sát trùng trong nước uống phòng bệnh đường ruột cho vịt. Trong tuần đầu tăng sức kháng bệnh cho vịt bằng vitamin tổng hợp và chú ý bổ sung vitamin ADE. Cung kháng sinh hỗn hợp phòng bệnh đường hô hấp và đường ruột theo chỉ dẫn của từng loại thuốc.

Chích ngừa dịch tả lúc 21 ngày, sau đó tái chủng sau 2 tháng và tái chủng khi vịt 4 tháng tuổi và cứ sau 4 - 5 tháng tái chủng. Chích vaccin cho vịt để phải tiến hành vào buổi sáng khi vịt đã đẻ trứng, nhẹ nhàng tránh dẫn dắt làm vịt hoảng sợ. Trước ngày chủng cần cho uống thuốc chống stress, vitamin C liều 1 g/lít nước. Định kỳ phòng bệnh bằng kháng sinh hỗn hợp cho vịt 2 tháng 1 đợt 3 - 5 ngày.

2. Nuôi vịt đẻ thương phẩm tập trung

➤ Chọn vịt giống

Chọn vịt có năng suất trứng cao như Khaki Campbell hoặc CV- 2000 phù hợp với phương thức nuôi thâm canh như nhốt, kết hợp bán chăn thả, thả vườn hoặc nuôi trên ao hồ. Nên chọn mua vịt từ các trại

giống có uy tín như trại Vigova và hệ thống giống của trại ở các địa phương. Vịt con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, lông khô xốp có màu lông đặc trưng của giống, không dị tật ở mỏ và chân, không hở rốn.

➤ **Chuồng trại**

Nên có khu chuồng riêng biệt cho vịt con, vịt hậu bị và vịt đẻ. Khu vực úm vịt con phải được chuẩn bị kỹ trước khi đưa vịt về. Sát trùng bằng NaOH 2%, hoặc formalin 4% sau khi đã rửa sạch nền chuồng và để trống chuồng ít nhất 2 tuần. Chuồng úm khô ráo, không đọng nước, nền chuồng trải rơm hoặc cỏ khô giữ ấm chân vịt, tránh gió lùa mưa tạt. Chuồng úm vịt con cần rào chắn bảo vệ vịt không bị thú khác như chó, mèo, chồn cáo hại vịt. Có thể úm vịt trên lồng trong tuần đầu, sau đó thả xuống nền.

Nên chia thành nhóm nhỏ khoảng 200 con để dễ theo dõi, vịt không dẫm đè lên nhau khi cúp điện hoặc có sự cố làm chết vịt con. Nhiệt độ sưởi ấm cho vịt con trong tuần đầu rất quan trọng đến sức sống của vịt, trong 2 – 3 ngày đầu nhiệt độ chuồng úm phải đạt 30 – 33°C, sau đó giảm dần 2°C mỗi tuần, thực tế sang tuần thứ 2 chỉ cần sưởi ấm khi mưa hoặc ban đêm, ngày nắng ấm có thể cho vịt xuống nước cho vịt quen nước.

Bố trí đủ máng ăn, máng uống cho vịt, máng ăn có thể sử dụng khay bằng kẽm kích thước 20 x 60 x 3 cm cho 50 vịt con, có thể trải thức ăn trên tấm bạt hoặc tấm nilon để vịt có đủ chỗ đứng ăn. Máng uống cung cấp nước sạch cho vịt có thể sử dụng loại máng uống tròn bán trên thị trường với dung tích 1,5 lít trong tuần

đầu, sau đó chuyển sang loại máng 4 lít cho vịt lớn. Mỗi máng có thể sử dụng cho 30 vịt. Máng uống nên đặt xa nơi vịt nằm để vịt không bị lạnh, chuồng khô ráo.

Cần bố trí sân chơi cho vịt với mật độ 1 - 2 con/m² sân chơi. Sân chơi tiếp giáp với mặt nước hoặc bể tắm. Mật độ trong 2 tuần đầu 25 - 30 con/m²; sau đó dần dần 3 - 4 tuần 15 - 18 con/m²; sau 5 tuần 6 - 8 con/m².

Úm vịt trên lồng trong tuần đầu cũng tiết kiệm được năng lượng và mật độ cao tiết kiệm diện tích. Kích thước lồng úm tùy thuộc điều kiện và vị trí có thể úm 150 vịt con/2 m² lồng. Úm trên lồng hay nền cũng nên chia thành đàn nhỏ 200 - 300 con tránh vịt đè lên nhau khi cúp điện hay gặp sự cố bất thường.

Ánh sáng cần thiết cho vịt đẻ trứng, trong tuần đầu 23 giờ chiếu sáng/ngày; Sau đó giảm dần 2 giờ mỗi tuần cho đến 6 - 7 tuần tuổi nuôi trong chế độ ánh sáng tự nhiên. Nguyên tắc chiếu sáng áp dụng cho nhóm gia cầm sinh sản là tuyệt đối không tăng thời gian và cường độ chiếu sáng trong thời kỳ đang sinh trưởng; không giảm thời gian và cường độ chiếu sáng trong giai đoạn đẻ trứng.

➤ **Thức ăn**

Ngày đầu cho vịt ăn tấm hay gạo lức nấu để nhanh chóng tiêu hóa hết lòng đỏ. Sau 2 ngày cho vịt ăn thức ăn hỗn hợp đủ nhu cầu dinh dưỡng.

Bảng 9. *Nhu cầu dinh dưỡng của vịt chuyên trứng*

Chất dinh dưỡng	0 – 8 tuần	9 – 17 tuần	Từ 18 tuần	Đẻ rộ
Protein thô (%)	20 – 21	14 – 16	17 – 18	19
ME (Kcal)	3000	2800	2800	2800
Lysin (%)	1,1	0,7	0,8	1
Methionin (%)	0,5	0,4	0,5	0,6
Ca (%)	1	1	1,9	3
P hữu dụng (%)	0,55	0,4	0,5	0,55
NaCl (%)	0,3	0,3	0,3	0,3

Thức ăn cho vịt trong 2 tuần đầu nên sử dụng thức ăn hỗn hợp bán sẵn trên thị trường, nên lưu ý chất lượng và chế độ bảo quản của thức ăn. Nếu không sẵn thức ăn hỗn hợp ta có thể tự phối hợp thức ăn từ lúa, bột cá lạt, dầu tằm, khô dầu đậu nành hoặc bột đậu nành rang, cám gạo. Nên hạn chế sử dụng bắp và khô dầu đậu phộng vì nguy cơ độc tố aflatoxin trong các nguyên liệu này gây bệnh cho vịt. Nếu tự phối hợp thức ăn phải chú ý bổ sung đầy đủ premix vitamin và vi khoáng.

Trong 2 tuần đầu cho vịt ăn nhiều bữa trong ngày, quan sát cho vịt ăn vừa đủ thức ăn, tránh dư thừa ẩm ướt dễ nhiễm mốc. Hàng ngày dọn rửa sạch máng ăn, quét bỏ những thức ăn dư thừa cũ. Trong 4 tuần đầu cho vịt ăn tự do với lượng thức ăn tăng dần.

Sau 4 tuần tuổi cho ăn định mức tùy theo trọng lượng cơ thể sao cho vịt phát triển tốt theo trọng lượng chuẩn của giống, không quá gầy ốm và cũng không quá mập ảnh hưởng tới năng suất trứng sau này. Từ 2 tuần cho vịt ăn thức ăn xanh như rau, bèo, tùy loại rau mức

cho ăn hàng ngày khoảng 5 – 10% trọng lượng cơ thể. Tiêu chuẩn ăn theo khuyến cáo của trại Vigova cho vịt CV2000 và Khaki Campbell trình bày trong Bảng 10.

Bảng 10. *Mức ăn hàng ngày của vịt siêu trứng trong giai đoạn 1 – 28 ngày tuổi*

Ngày tuổi	CV2000	Khaki Campbell	Ngày tuổi	CV2000	Khaki Campbell
1	3	3	15	52	46
2	5	5	16	55	49
3	8	8	17	59	52
4	12	11	18	62	55
5	16	15	19	66	58
6	19	18	20	70	61
7	22	21	21	73	64
8	27	25	22	76	67
9	32	28	23	80	70
10	35	31	24	83	73
11	38	34	25	86	76
12	41	37	26	90	79
13	45	40	27	93	82
14	49	43	28	96	85

Nguồn: Dương Xuân Tuyền (2001)

3. Nuôi vịt hậu bị

Giai đoạn hậu bị 9 – 20 tuần tuổi cho ăn hạn chế lượng thức ăn theo sát trọng lượng chuẩn của từng giống. Theo khuyến cáo của trại vịt Vigova định mức thức ăn cho vịt hậu bị CV2000 và Khaki Campbell được trình bày trong bảng 11.

Bảng 11. Trọng lượng chuẩn của vịt cái Khaki Campbell và CV2000

Tuần tuổi	Khaki Campbel		CV2000	
	Thể trọng (g)	gTA/ngày	Thể trọng (g)	gTA/ngày
4	470	70	550	90
6	830	85	950	95
8	1100	88	1200	98
10	1180	93	1300	103
12	1270	98	1420	110
14	1350	103	1520	115
16	1430	108	1600	120
18	1500	113	1650	125
20	1580	120	1700	130
21	1600	120	1750	135

Nguồn: Dương Xuân Tuyển (2001)

Khi cho ăn định mức phải bố trí đủ máng ăn sao cho mọi vịt đều được ăn cùng một lúc như vậy vịt mới phát triển đều.

Khi vịt được 8 tuần tuổi chọn vịt cái trọng lượng theo sát biểu đồ biểu diễn sức sinh trưởng của giống. Bộ lông đã hoàn chỉnh, lông óng mượt, thân hình cân đối, không dị tật, lườn thẳng để nuôi hậu bị. Số vịt đực bằng 10 – 12% số vịt cái nếu nuôi lấy trứng có phôi làm trứng vịt lộn. Có thể ghép vịt đực vào đàn cái trước lúc 17 – 18 tuần tuổi.

Thức ăn vịt hậu bị nên kết hợp các loại thức ăn sẵn có tại địa phương như lúa, ốc cua còng tươi, rau bèo với thức ăn hỗn hợp tỷ lệ phụ thuộc vào tình trạng đàn vịt, nếu vịt phát triển tốt, lông óng mượt là tốt. Nếu vịt

trọng lượng thấp, bộ lông khô, xơ xác nên tăng thức ăn hỗn hợp và môi tươi, giảm lúá.

4. Nuôi vịt giai đoạn đẻ trứng

Giai đoạn đẻ trứng chuồng nuôi có sân chơi, chuồng nuôi phải thoát nước tốt, thoáng mát, không quá nóng. Tùy điều kiện thực tế của trại nền chuồng có thể bằng đất nén chặt đổ cát, trảng xi măng hoặc lát gạch tàu sao cho không đọng nước, dễ dọn vệ sinh, sát trùng thường xuyên. Mật độ chuồng nuôi nhốt hoàn toàn 4 – 5 con/m², nếu có sân chơi và ao mật độ chuồng nuôi có thể cao hơn 6 – 8 con/m². Sân chơi tiếp giáp xuống ao hồ nước lưu thông thường xuyên, có thể kết hợp ao nuôi cá tận dụng phân vịt và thức ăn rơi vãi với diện tích ao 1 - 2 m²/con. Đường xuống ao thoải thoải cho vịt dễ lên xuống tránh dập trứng.

Ổ đẻ bố trí quanh tường trước khi vịt đẻ ít nhất 1 tuần, ổ đóng bằng gỗ hay tre hình hộp chữ nhật kích thước một ổ là ngang 0,3 m, dài 0,4 m và cao 0,2 m cho 4 – 5 vịt đẻ, có thể ghép 4 ổ liền nhau ngang 0,3 m, cao 0,2 m và dài 1,2 m cho 20 vịt. Trong ổ lót rơm hoặc cỏ khô, có thể lót trấu để trứng không bị dập vỡ và sạch. Luôn kiểm soát chất lót ổ đẻ thay kịp thời khi bị ẩm ướt hoặc bị bẩn do phân. Vịt đẻ vào ban đêm nên trứng phải thu vào sáng sớm, bắt đầu nhặt trứng lúc 5 – 6 giờ và sau đó kiểm tra nhặt những trứng đẻ muộn 30 phút/lần. Nếu thấy trứng vấy bẩn nhiều phải kiểm tra chất lót ổ và thay kịp thời.

Trong giai đoạn vịt đẻ phải chú ý ánh sáng trong chuồng vịt, thời gian chiếu sáng cần thiết 16 – 17 giờ/

ngày. Thắp sáng bổ sung vào buổi tối từ 18 – 22 giờ bằng bóng đèn tròn hiệu quả hơn bóng neon, dùng nhiều bóng công suất thấp 50 – 75 W tốt hơn dùng bóng có công suất cao, số bóng bố trí sao cho đạt 1 bóng/ 3 – 5 m² nền chuồng.

Thời gian và cường độ chiếu sáng ổn định đảm bảo vịt đẻ đều và đúng giờ. Nếu chế độ chiếu sáng thất thường, không đủ thời gian và cường độ vịt sẽ đẻ muộn, năng suất và chất lượng trứng thấp, ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả kinh tế.

Thức ăn cho vịt đẻ có thể sử dụng thức ăn hỗn hợp, thức ăn sẵn có ở địa phương hoặc kết hợp các loại thức ăn này nhưng cần chú trọng chất dinh dưỡng đủ và cân đối. Các loại thức ăn tươi sống như cua, còng, ốc, rau bèo kết hợp với lúa nuôi vịt đẻ cho năng suất cao và hiệu quả kinh tế cao. Vịt đẻ cho ăn khoảng 140 – 150 g thức ăn/ngày chia làm 2 bữa sáng lúc 7 – 8 giờ, khi thời tiết nóng có thể cho ăn sớm hơn, chiều lúc 14 – 15 giờ nếu nóng có thể cho ăn trễ hơn chừng 1 giờ. Nên bổ sung thêm vitamin vào thức ăn hoặc nước uống mỗi tuần 1 lần. Nước uống sạch và cho uống tự do đặc biệt vào ban đêm, sao cho cung đủ 500 – 600 ml nước/con/ngày.

Trong giai đoạn vịt đẻ tránh mọi xáo trộn, thay đổi ảnh hưởng xấu đến năng suất và chất lượng trứng. Tránh hết sức những tác động gây stress cho vịt như thay đổi thức ăn đột ngột, thiếu thức ăn hay nước uống, tiếng ồn người lạ vào chuồng. Vệ sinh chuồng thường xuyên đảm bảo chuồng luôn khô ráo, không đọng nước.

Nước trong ao hồ phải được lưu thông tốt, không bị ô nhiễm và không bị nhiễm chất độc hại. Khi phát hiện nguồn nước bị ô nhiễm phải nhốt vịt lại, tạo bể nước tắm cho vịt, thay nước sạch hàng ngày.

Theo dõi chặt chẽ đàn vịt hàng ngày, ghi đầy đủ số trứng, lượng thức ăn, phát hiện và loại kịp thời những vịt ốm yếu. Nếu năng suất trứng giảm phải kiểm tra lại toàn bộ tình trạng từ đàn vịt, thức ăn, nước uống và các điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc khác.

Vịt cao sản chuyên trứng CV2000 và Khaki Campbell cũng được nuôi thả vườn với bể nước tự tạo đã cho kết quả tốt ở nhiều nơi như Thanh Hóa, Thái Nguyên và Hà Tây. Đây cũng là phương thức nuôi thâm canh dưới tán cây ăn quả ở một số vùng như Bình Dương và Đồng Nai.

VI. NUÔI VỊT ĐỂ TRỨNG GIỐNG

Với hệ thống giống vịt công tác giống được thực hiện ở trại giống gốc với những dòng hạt nhân ông bà để tạo ra vịt giống bố mẹ. Trại giống cấp 2 trong hệ thống giống sẽ sản xuất ra vịt con thương phẩm nuôi lấy thịt hoặc trứng. Tuy nhiên con giống vẫn chưa thực sự cung cấp đủ cho người chăn nuôi. Hơn nữa với các giống cao sản đòi hỏi điều kiện và kỹ thuật chăn nuôi nhất định mà bà con nhiều vùng chưa tiếp cận được nên nhu cầu về con giống vịt nội địa năng suất trung bình chịu đựng tốt điều kiện kham khổ, kiếm mồi giỏi như nhóm vịt Bắc Kinh, vịt Hòa Lan, vịt Tàu, vịt Cỏ vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao.

1. Chọn vịt giống

Tùy theo mục đích sản xuất thịt hay trứng mà chọn giống cha mẹ có năng suất phù hợp với yêu cầu của người chăn nuôi. Chú ý chọn những giống từ những đàn vịt khỏe mạnh, không xảy ra dịch bệnh, trứng có tỷ lệ ấp nở tốt. Chọn vịt cái và vịt đực từ 2 đàn khác nhau để tránh đồng huyết.

2. Nuôi dưỡng và chăm sóc

Vịt con giống và vịt hậu bị được nuôi dưỡng như phần nuôi vịt đẻ thả đồng, chọn giống kỹ lúc vịt được 2 – 3 tháng tùy theo năng suất của giống, hướng sản xuất. Chọn con cái có trọng lượng trung bình của giống, phát triển tốt, không dị tật ở mỏ và chân. Con đực chọn những con có trọng lượng cao nhất trong đàn, số vịt đực bằng 20 – 25% số vịt cái.

Vịt hậu bị cho thả đồng vịt sẽ có bộ khung xương chắc, tích lũy đầy đủ Ca để giúp tạo vỏ trứng sau này. Với các giống kiêm dụng nuôi thả đồng giảm chi phí thức ăn nên hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn nuôi nhốt.

Khi vịt đẻ chế độ dinh dưỡng phải cao hơn vịt đẻ trứng thương phẩm nhất là vitamin ADE và B tổng hợp, premix vi khoáng cũng phải cung cấp thường xuyên cho vịt giống để đảm bảo phôi phát triển tốt, vịt con khỏe mạnh.

3. Thu và bảo quản trứng ấp

Thu lượm và bảo quản trứng giống có ý nghĩa quan trọng cho quá trình phát triển của phôi trong lúc ấp. Ổ đẻ phải luôn khô và sạch, nhặt trứng sớm và

thường xuyên. Thả vịt muộn sau 8 giờ để tránh mất trứng do đẻ muộn. Trứng thu xếp vào rổ hay cần xé lót rơm, chọn những trứng có trọng lượng trung bình của giống để ấp. Trứng tốt vỏ láng đều, dày với màu đặc trưng của giống. Những trứng bị dơ bẩn phải rửa ngay bằng nước ấm khoảng $37 - 38^{\circ}\text{C}$ có pha chlorine 0,5% trước khi đưa vào kho bảo quản. Loại bỏ những trứng rạn, dập vỏ, trứng quá to hoặc quá nhỏ phôi phát triển không bình thường, trứng dị dạng, méo hoặc có vòng khác, trứng có nhiều cặn Ca trên vỏ.

Trứng bảo quản ở nhiệt độ mát có thể bảo quản trong vòng 1 tuần, thời gian bảo quản tốt nhất là 3 – 4 ngày. Phôi phát triển ở nhiệt độ 21°C nên nhiệt độ bảo quản trứng dưới 20°C , ẩm độ tương đối trong kho bảo quản là 75 – 80 %. Theo TS Nguyễn Văn Diện không nên bảo quản trứng vịt ở nhiệt độ thấp hơn vì sẽ xuất hiện tụ hơi nước trên vỏ trứng tạo điều kiện cho vi trùng phát triển và xâm nhập vào trứng.

Nếu có điều kiện nên đảo trứng khi bảo quản trong kho hàng ngày, phôi phát triển tốt hơn. Kho để trứng phải luôn sạch, định kỳ xông sát trùng kho và dụng cụ đựng trứng.

Ấp trứng vịt hiện nay đã có máy ấp do trại giống Vigova thiết kế với chế độ ấp tự động hoàn toàn cho tỷ lệ ấp nở khá cao.

Phần 4

KỸ THUẬT NUÔI VỊT XIÊM (NGAN) CAO SẢN

Hiện nay, nuôi vịt Xiêm cao sản theo phương thức thâm canh chuồng có sân chơi hoặc nuôi bán chăn thả trên bãi cỏ hạn chế diện tích. Vịt Xiêm có một vài đặc tính sinh học khá khác biệt với vịt thường liên quan đến phương thức chăn nuôi.

Bảng 12. Những đặc điểm khác biệt giữa vịt và vịt Xiêm

Thuộc loài	Vịt (Anas)	Vịt Xiêm - ngan (Cairina)
Nguồn gốc	Vùng Bắc bán cầu Âu - Á	Vùng nhiệt đới Nam Mỹ
Phân loại	Sống trên mặt nước, lặn mò thức ăn dưới nước.	Chim đậu (có móng) có thể bay, sống trên cạn hay nước.
Tuổi thành thực (đực) ,	20 - 24 tuần	30 - 34 tuần
Trọng lượng tinh hoàn	55 - 80 g	25 - 30 g
Tuổi thành thực (cái)	24 - 26 tuần	26 - 28 tuần
Thời gian phôi phát triển	28 ngày	32 - 35 ngày
Chênh lệch TL sống	TL cái bằng 81% TL đực	TL cái bằng 51% TL đực
Tiếng kêu	To, vang	Khàn gần như câm
Lông trán	Không dựng đứng	Dựng đứng
Lông đuôi con đực	Cong	Bình thường
Bộ lông đuôi	12 cái	18 cái
Mào	Không	Có
Xương cụt	7 (phao câu ngắn)	8 (phao câu dài)
Mỏ trên	43 - 45 mảnh nhỏ sừng hóa	35 - 37 mảnh nhỏ sừng hóa
Con lai giữa 2 loài	Vịt lai vịt Xiêm (Mulard) không thể sinh sản	

I. NUÔI VỊT CON TỪ 0 - 3 TUẦN TUỔI

1. Chọn giống

Chọn vịt con nở đúng ngày, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, lông khô bông xốp, mắt sáng, bụng thon gọn, chân to chắc, màu lông đặc trưng của giống. Vịt R51 là vịt siêu nặng lông vàng rơm có hoặc không có đốm đen trên đầu, chân và mỏ màu hồng. Vịt R31 lông vàng chanh có vết đen ở đuôi, mỏ và chân có đốm đen. Vịt Xiêm ta lông vàng rơm có khoang đen, mỏ và chân màu xám.

2. Chuồng trại, trang thiết bị

Chuồng nuôi nền gạch hoặc ciment khô, sạch, ẩm nhưng thoáng. Nền chuồng và tường làm bằng vật liệu dễ cọ rửa, làm vệ sinh và sát trùng. Chuồng vịt phải đảm bảo an toàn cho vịt, không cho chó, mèo vào hại vịt con. Quây thành từng quây bằng cốt hoặc mảnh mảnh với kích thước 0,5 x 4,5 m cho 60 - 70 vịt con. Nền trải chất độn chuồng bằng trấu có lót rơm hoặc cỏ khô trong những ngày đầu giữ ấm chân cho vịt tránh mất thân nhiệt. Có sân vườn cho vịt vận động, mương nước sạch hoặc hồ nước tự tạo để vịt tắm. Máng ăn, máng uống phải đủ trước khi đưa vịt về. Chuồng và dụng cụ phải được sát trùng sạch, nếu trước đó đã nuôi thì chuồng phải được rửa sạch, quét vôi nền và xung quanh, phun thuốc sát trùng (formol 2%) và để trống chuồng ít nhất 20 ngày mới thả vịt mới.

3. Thức ăn

Thức ăn cho vịt con trong 3 tuần đầu phải đảm bảo đủ 21% protein và 3000 Kcal ME. Có thể sử dụng

thức ăn hỗn hợp của các nhà máy hoặc có thể tự trộn bằng thức ăn sẵn có ở địa phương như bắp, tấm, bột đậu nành, bột cá, khô dầu đậu nành. Nuôi vịt để sinh sản không nên cho ăn khô dầu đậu phộng vì có nhiều độc tố như aflatoxin ảnh hưởng xấu tới sức khỏe và năng suất của vịt. Trong 3 tuần đầu cho vịt ăn tự do, thức ăn trải trong khay ít một nhưng nhiều lần trong ngày để kích thích vịt ăn nhiều thức ăn. Sau đó cho ăn theo định lượng, nếu nuôi làm giống phải khống chế thức ăn tránh mập mạp ảnh hưởng đến sức đẻ trứng. Tăng dần rau cỏ xanh non, bèo cho vịt con ăn tự do theo khả năng của chúng để cung cấp vitamin cho vịt. Sau 8 tuần thức ăn xanh có thể lên tới 300 – 500g/con/ngày. Nguồn thức ăn xanh phải được kiểm soát không có độc tố thuốc trừ sâu hay thuốc diệt cỏ, không lấy từ nơi nghi có mầm bệnh, rửa sạch trước khi cho vịt ăn. Không cho vịt ăn rau bị hư thối, héo úa dễ bị bệnh đường ruột.

4. Nuôi dưỡng và chăm sóc

Vịt phải được sưởi ấm trong 4 – 5 ngày đầu, nhiệt độ chuồng nuôi là 31 – 32°C, sau mỗi tuần giảm 2°C. Quan sát vịt trong chuồng để điều chỉnh nhiệt độ cho thích hợp. Đủ nhiệt vịt phân tán đều trong chuồng, vịt khỏe mạnh, nhanh nhẹn, sơn xơ. Nếu lạnh vịt nằm chen chúc nhau dưới nguồn nhiệt, nếu nóng quá vịt nằm xa nguồn nhiệt, xả cánh, thở nhanh, uống nước nhiều, phân lỏng. Sưởi ấm cho vịt bằng bóng đèn hoặc hệ thống sưởi ấm, nguồn nhiệt cao trên lưng vịt ít nhất 30 cm. Mật độ nuôi tuần đầu 20 – 25 con/m². Có rèm che giữ nhiệt và tránh gió lùa. Sau mỗi tuần dần mật

độ 1/2, nới rộng quây.

Khi thả vịt vào chuồng cho uống nước có pha thêm vitamin tổng hợp. Sau 3 – 4 giờ sau mới trải thức ăn, tuần đầu trải thức ăn 6 – 8 lần suốt ngày đêm, những tuần sau đó trải thức ăn 3 – 4 lần/ngày. Đảm bảo thức ăn và nước uống luôn sạch, máng ăn, máng uống vệ sinh hàng ngày tránh thức ăn ôi mốc gây bệnh cho vịt.

Tuần đầu thả đèn chiếu sáng liên tục cho vịt, những tuần sau giảm dần thời gian chiếu sáng sao cho đến tuần thứ 5 theo chế độ ánh sáng tự nhiên.

II. NUÔI VỊT TỪ 4 – 12 TUẦN

Từ tuần thứ 4 bắt đầu cho ăn định lượng theo trọng lượng chuẩn của vịt sao cho vịt không quá mập cũng không quá gầy ốm nếu nuôi làm giống. Nuôi vịt thịt có thể cho ăn tự do nhưng thực tế cho thấy cho ăn theo bữa đỡ lãng phí thức ăn, máng ăn dọn rửa sạch sau mỗi bữa vịt sẽ khỏe mạnh, ít bệnh hơn cho ăn tự do.

Bảng 13. Định lượng thức ăn theo thể trọng của vịt

Tuần tuổi	Vịt mái		Vịt trống	
	Thể trọng (kg)	Lượng TA/ngày	Thể trọng (kg)	TA/ngày (g)
4	0,7	70	0,87	90
5	0,9	80	1,1	100
6	1,1	90	1,3	110
7	1,3	95	1,7	120
8	1,5	95	2,2	125
9	1,7	100	2,6	130
10	1,9	100	2,8	135
11	2,1	105	2,9	135
12	2,15	105	3.1	140

Từ tuần thứ 4 nên thả vịt ra sân có bãi cỏ. Từ 5 đến 7 tuần vịt mọc lông vai nên chú ý cho ăn thêm rau xanh, mỗi động vật như giun, ốc, cua còng để tránh tình trạng cắn mổ nhau. Cho vịt tắm ở hồ nước, hồ tự tạo nên chú ý thay nước thường xuyên đảm bảo nước trong hồ lưu thông và luôn sạch.

Lúc 12 tuần nên xén cánh vịt mái để chúng không bay được, lúc này tiến hành chọn giống và tiêm phòng dịch tả cho vịt.

Chọn vịt mái trọng lượng lúc 12 tuần 2,1 – 2,2 kg, chéo cánh, lông óng mượt, dáng nhanh nhẹn, chân to, khỏe, vững chắc, bụng mềm lõ huyệt ướt.

Chọn vịt trống trọng lượng 3,1 – 3,5 kg đã chéo cánh, dáng hùng dũng, nhanh nhẹn, gai giao cấu rõ nét, lõ huyệt tốt không viêm nhiễm.

III. NUÔI VỊT TỪ 13 – 25 TUẦN

1. Chuồng trại, trang thiết bị

Chuồng nuôi nên có phần chuồng có mái che nên gạch hay ciment có độ dốc tốt để tiện rửa dọn vệ sinh, mật độ nuôi trong chuồng 4 – 6 con/m².

Phần sân vườn thả có diện tích tối thiểu 1 m²/con. Sân vườn thả có cỏ hoặc rau tươi càng tốt vì lúc này vịt Xiêm có thể ăn đến 40% nhu cầu là thức ăn thô xanh, rau cỏ tươi cung cấp nhiều vitamin vịt sẽ khỏe hạn chế cắn mổ lẫn nhau.

Khu vực có nguồn nước càng tốt, nếu không gần ao hồ, sông rạch phải có hồ nhân tạo chứa nước tắm cho vịt.

Thức ăn trong giai đoạn hậu bị chỉ cần 14 – 15% protein thô và 2600 Kcal ME, nếu có bãi rau cỏ, mương nước để thả vịt sẽ tiết kiệm được đáng kể lượng thức ăn cho vịt. Nuôi nhốt thâm canh phải cung cấp rau xanh hoặc bèo cho vịt với lượng 50 – 100 g rau xanh/con/ngày. Phải kiểm tra trọng lượng vịt để điều chỉnh lượng thức ăn hàng ngày sao cho vịt không quá mập, không quá gầy ốm.

Bảng 14. Định lượng thức ăn theo thể trọng vịt

Tuần tuổi	Vịt mái		Vịt trống	
	Thể trọng (kg)	Lượng TA/ngày(g)	Thể trọng (kg)	TA/ngày (g)
13	2,15	105	3,2	145
14	2,2	105	3,3	145
15	2,25	105	3,4	145
16	2,3	105	3,5	150
17	2,35	105	3,6	150
18	2,4	105	3,7	155
19	2,45	105	3,8	155
20	2,45	105	3,8	155
21	2,5	105	3,9	160
22	2,52	110	4,1	160
23	2,55	120	4,3	165
24	2,58	125	4,4	170
25	2,6	130	4,5	170

3. Điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc

Chú ý vệ sinh chuồng trại, máng ăn máng uống hàng ngày đảm bảo vịt có môi trường sống lành mạnh,

sạch sẽ. Chú ý đặc biệt thức ăn chất lượng tốt, không bị ôi, mốc, đảm bảo vịt luôn có nước sạch uống tự do. Kiểm tra thường xuyên phát hiện kịp thời vịt bệnh, xác định bệnh và cho uống thuốc phòng. Mạnh dạn loại thải những vịt đã bị bệnh.

Cho ăn định lượng nên máng ăn phải bố trí đủ chỗ đứng ăn cho vịt để đảm bảo độ đồng đều trong đàn.

4. Nuôi vịt sinh sản

Vịt xiêm đẻ theo 2 chu kỳ: Chu kỳ 1 từ 26 tuần, kéo dài 6 – 7 tháng. Sau đó nghỉ đẻ thay lông 2 – 3 tháng. Chu kỳ 2 từ tuần 64, kéo dài 5 – 6 tháng.

4.1 Chọn vịt sinh sản

Vịt mái có màu lông đặc trưng của giống, đạt trọng lượng 2,5 – 2,7 kg, thân hình cân đối, lông óng mượt, mào đỏ tươi, bụng mềm, lỗ huyết ươn, vùng xương chậu nở rộng. Vịt trống có trọng lượng 4,4 – 4,5 kg, dáng hùng dũng, ức rộng, mào đỏ, có phản xạ tốt khi kiểm tra gai giao cấu, gai giao cấu có màu hồng sáng, dài 3 – 4 cm. Tỷ lệ ghép 1 trống cho 4 – 5 mái, trống dự phòng 5%. Nên luân chuyển trống giữa các hộ chăn nuôi để tránh đồng huyết.

4.2 Chuồng nuôi vịt sinh sản

Chuồng nuôi vịt sinh sản cũng tương tự như chuồng nuôi vịt hậu bị, có sân chơi, bãi chăn thả. Trong chuồng nuôi đặt ổ đẻ có kích thước 0,4 x 0,4 x 0,2 m, mỗi ổ đẻ cho 4 – 5 vịt cái. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh chuồng, máng ăn máng uống, ổ đẻ. Bể tự tạo phải thay nước hàng ngày cho vịt tắm.

Máng ăn, máng uống có thể bố trí ở sân chơi hay trên bãi chăn thả bảo đảm đủ chỗ đứng ăn. Nước sạch uống tự do sao cho đảm bảo 300 – 500 ml/con/ngày.

Mật độ chuồng nuôi đảm bảo 3 – 4 con/m² nền chuồng, diện tích sân chơi gấp đôi nền chuồng.

4.3 Chăm sóc và nuôi dưỡng

➤ Thức ăn

Kết hợp lúa với thức ăn hỗn hợp sao cho hàm lượng protein trong thức ăn là 16 – 18 % và mức ME 2700 – 2800 Kcal/kg. Lượng thức ăn tính theo năng suất trứng, khi đẻ rộ vịt cái ăn 160 – 170g/con/ngày, vịt đực 190 – 200 g/con/ngày. Nếu có sẵn thức ăn tươi như cua, còng, ốc, trùn đất có thể giảm lượng thức ăn hỗn hợp. Hàng ngày cung cấp rau xanh hay bèo cho vịt ăn với lượng 150 – 200 g/con/ngày. Tận dụng được thức ăn tươi xanh sẵn có tại địa phương sẽ giảm được đáng kể chi phí thức ăn.

➤ Chế độ chiếu sáng

Khi vịt đẻ rộ thời gian chiếu sáng cần 14 – 15 giờ/ngày ở chu kỳ 1, và tăng lên 16 – 17 giờ/ngày ở chu kỳ 2. Thắp sáng bổ sung vào buổi tối với bóng 75 W/15 m² chuồng nuôi. Bóng tròn treo cách nền chuồng khoảng 2,5 m.

➤ Nhật trứng và bảo quản

Tập cho vịt đẻ trong ổ ngay từ đầu trứng sẽ được đẻ trong ổ sạch, không bị dơ. Nhật trứng thường xuyên 3 – 4 lần/ngày. Chọn trứng đủ tiêu chuẩn để ấp, đó là

trứng có kích thước trung bình, vỏ láng đều, trứng dơ ít có thể rửa bằng nước muối ấm hoặc lau nhẹ bằng cồn, trứng dính nhiều bùn đất, trứng ướt phải loại bỏ vì dễ bị thối.

Trứng bảo quản lạnh ở nhiệt độ khoảng 18°C có thể bảo quản trong vòng 1 tuần. Nhiệt độ 23 – 30°C thời gian bảo quản 3 – 4 ngày. Trứng xếp nằm ngang và đảo trứng hàng ngày trong quá trình bảo quản nhằm tránh dính và chết phôi.

4.4 Quy trình phòng bệnh

Trong 3 ngày đầu cho vịt uống nước có pha vitamin ADE và B tổng hợp để tăng sức đề kháng cho vịt. Cho uống kháng sinh phòng bệnh đường ruột. Chích vaccin dịch tả lần 1 vào lúc 12 tuần tuổi, lần 2 lúc 21 – 22 tuần tuổi trước khi vịt vào đẻ kỳ 1, lần 3 lúc 62 – 64 tuần tuổi trước khi vào đẻ kỳ 2.

IV. QUY TRÌNH ẤP TRỨNG VỊT XIÊM NHÂN TẠO

Cũng như các loại gia cầm khác vịt Xiêm có tập tính ấp rất “say ấp”. Thời gian ấp dài 33 – 35 ngày nên sản lượng trứng thấp. Để có nhiều vịt Xiêm giống/1 vịt cái người ta đã có nhiều thành tựu trong công tác giống. Giống mới có năng suất trứng cao 200 – 210 trứng/mái/năm như R31 và R51 đã được nhập vào nước ta và thích nghi tốt với điều kiện chăn nuôi ở nhiều vùng trong cả nước. Viện Chăn nuôi quốc gia đã nghiên cứu thành công quy trình ấp trứng vịt Xiêm cho tỷ lệ ấp nở khá cao.

1. Chọn trứng và bảo quản trứng giống

Trứng vịt Xiêm có trọng lượng trung bình khác

nhau theo đặc điểm giống và số trứng đẻ ra trong mỗi đợt không nhiều nên ta không có nhiều lựa chọn, chỉ loại bỏ những trứng quá to hoặc quá nhỏ, trứng vỏ mỏng hoặc có vòng khắc, dị hình. Vì chắc chắn chúng không nở. Tuy nhiên trứng có trọng lượng trung bình cho tỷ lệ nở cao hơn trứng có trọng lượng lớn. Trứng có trọng lượng khoảng 71 – 75 g có tỷ lệ ấp nở 83,46% trong khi đó trứng 78,2 - 75,78 g và trứng to 85 g chỉ nở 67,46%.

Trứng vịt Xiêm bảo quản ở nhiệt độ 18 – 20°C, ẩm độ 75 – 80 % hoặc bảo quản trong nhiệt độ phòng ổn định trong 2 tuần vẫn cho tỷ lệ ấp nở cao 83,77 và 83,33%. Dao động nhiệt độ trong thời gian bảo quản trứng giống làm giảm tỷ lệ ấp nở.

2. Phương pháp vào trứng và chế độ ấp

Trứng xếp nghiêng hay xếp ngang cho tỷ lệ nở cao hơn xếp thẳng đứng.

Bảng 15. Chế độ nhiệt trong máy ấp trứng vịt xiêm

Giai đoạn	Ngày ấp	Nhiệt độ (°C)	Ẩm độ (%)
Ấp	1 – 11	38,2 - 38,3	64 – 65
	12 – 25	37,8 – 38,0	55 – 57
	26 – 31	37,6 – 37,7	55 – 57
Nở	31 – 34	37,4 – 37,5	80 – 85

Trong quá trình ấp ngay từ ngày đầu vào máy cho đến khi trứng ra khay nở trứng được đảo theo góc 90°C nếu xếp nghiêng, 180°C nếu xếp nằm ngang. Đảo trứng 2 giờ 1 lần, đảo 10 – 12 lần/ngày.

Trong quá trình phát triển phôi thủy cầm với đặc thù vỏ trứng dày, thành phần dinh dưỡng thúc đẩy cường độ trao đổi chất của phôi giải phóng nhiều năng lượng nên trong quy trình ấp trứng vịt phải có thao tác làm mát trứng.

Bảng 16. Chế độ làm mát trứng vịt xiêm trong giai đoạn ấp

Chế độ		Nhiệt độ môi trường		
		< 20 °C	20 - 27 °C	> 27 °C
Số lần làm mát		1 lần	2	3
Bắt đầu và kết thúc		9 - 31 ngày	7 - 20 ngày 21 - 31 ngày	7 - 14 ngày 15 - 24 ngày 25 - 31 ngày
Thời gian làm mát		Ngày đầu 9 phút tăng 1 phút/ngày giữ 25 phút đến khi nở	Ngày đầu 9 phút tăng 1 phút/ngày giữ 25 phút đến khi nở	Ngày đầu 9 phút tăng 1 phút/ngày giữ 25 phút đến khi nở
Thời điểm đưa trứng ra làm mát		11 giờ sáng	9 giờ sáng 16 giờ	9 giờ sáng 16 giờ 22 giờ

3. Phương pháp làm mát trứng

Mỗi lần đưa trứng ra làm mát, phun nước ấm nhiệt độ 35 – 37°C vào trứng, những ngày đầu chỉ phun sương lên trứng, sau 14 ngày có thể phun ướt đậm dần lên. Sau thời gian làm mát trứng theo quy định đảo

trứng ngay bằng tay.

Chế độ thông thoáng phải tuân thủ theo đúng chế độ áp của từng loại máy ấp theo nguyên tắc tăng dần lỗ thông hơi.

V. KỸ THUẬT NUÔI VỊT XIÊM THỊT

Với những giống vịt Xiêm cao sản siêu nặng có thể nuôi theo phương thức tập trung (thâm canh) hay nuôi bán chăn thả.

Khả năng sản xuất thịt của vịt Xiêm và con lai Mulard của nó khá cao, mái có thể giết thịt lúc 70 – 77 ngày tuổi với trọng lượng 2,5 – 2,6 kg. Vịt đực giết thịt ở 84 – 88 ngày tuổi với trọng lượng cơ thể 4,7 – 4,8 kg. Giết thịt lúc này tỷ lệ thịt xẻ đạt 66 – 68%.

1. Chuồng trại và dụng cụ

Tùy điều kiện thực tế và mức độ thâm canh mà bố trí chuồng nuôi kiên cố hay đơn giản nhưng chuồng nuôi phải đạt yêu cầu khô, thoát nước tốt, an toàn cho vịt, ẩm và thoáng, dễ làm vệ sinh, tẩy trùng trước và sau mỗi đợt nuôi. Nền chuồng có thể bằng cát, đất lèn chặt, nền xi măng hay lát gạch. Nên bố trí nơi có sân chơi, hồ nước tắm, có bãi chăn thả và mương nước hay ao hồ càng tốt.

Chuồng nuôi và máng ăn, máng uống được vệ sinh sạch trước khi bắt vịt về. Nếu trước đó đã nuôi vịt phải để trống chuồng sát trùng sạch ít nhất 1 tháng. Đảm bảo đủ máng ăn, máng uống cho vịt, máng ăn bằng khay kẽm hình chữ nhật với kích thước 50 x 70 x 2 cm cho 50 vịt con. Máng uống bán tự động 50 – 60 con/

máng loại 5 lít.

Dùng cốt ép cao 50 cm để quây vịt thành từng nhóm nhỏ khoảng 200 – 300 con. Nền trải trấu hoặc rơm cỏ khô để giữ ấm chân vịt, che chắn tránh gió lùa. Nhiệt độ sưởi ấm cho vịt tuần đầu 30 – 31° C, sau mỗi tuần giảm 2° C. Quan sát tình trạng phân tán của đàn vịt trong chuồng để điều chỉnh nhiệt độ chuồng nuôi, đủ ấm vịt phân tán đều trong chuồng, sờn xơ, nhanh nhẹn, ăn nhiều. Nếu lạnh vịt nằm túm tụm dưới nguồn nhiệt, ăn ít, uống nước ít. Nóng quá vịt nằm túm tụm xa nguồn nhiệt, thở nhanh, ăn ít, uống nước nhiều, phân ướt. Chiếu sáng liên tục trong tuần đầu để vịt có thể ăn tối đa lượng thức ăn, thời gian chiếu sáng giảm dần cho đến 7 – 8 tuần sử dụng ánh sáng tự nhiên.

2. Chọn vịt giống

Chọn vịt từ đàn nở tốt, đúng ngày, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, bụng thon mềm, lông óng với màu đặc trưng của giống, chân mập, màng chân bóng, không hở rốn, không dị tật. ,

3. Thức ăn

Nuôi thâm canh nên cho ăn tấm hay gạo lúc nấu chín trong vài ngày đầu, sau đó sử dụng thức ăn hỗn hợp dạng viên theo nhu cầu dinh dưỡng tương ứng với từng lứa tuổi.

Bảng 17. Nhu cầu dinh dưỡng cho vịt thịt

Tuần tuổi	0 – 4 tuần	5 – 8 tuần	9 – 12 tuần
Protein (%)	21	19	17
ME (Kcal/kg)	3000	3100	3100
Ca (%)	1,2	1	0,8
P hữu dụng (%)	5	4,5	4,5

Nuôi bán chăn thả ngoài thức ăn hỗn hợp có thể pha trộn thêm phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương như cám gạo, bắp, lúa. Nếu có nhiều nguồn môi động vật như cua, ốc, còng sẽ giảm được chi phí thức ăn. Sau 1 tuần có thể cho ăn thêm bèo, rau xanh thái nhỏ. Nếu có bãi chăn thả, ao hồ sẽ giảm lượng thức ăn tinh đáng kể.

Cho vịt ăn tự do, thức ăn trải vào khay tuần đầu trải nhiều bữa, sau 4 tuần cho ăn 2 lần trong ngày với lượng thức ăn tự do, vịt có thể ăn hết thức ăn trong máng tránh đổ vãi và hư hỏng thức ăn. Phải cung cấp đầy đủ nước sạch cho vịt uống tự do, nếu máng uống dễ nhiễm bẩn phải thay nước thường xuyên. Máng uống tự động sẽ giữ nước luôn sạch và tiết kiệm nước.

4. Vô béo vịt Xiêm

Khi vịt cái được 50 – 56 ngày tuổi, vịt đực 63 – 70 ngày có thể nhồi cưỡng bức bằng bắp hạt và đậu nành nấu chín, nhồi cho vịt ăn 2 lần/ngày để lấy gan và thịt béo

5. Phòng bệnh

Quy trình phòng bệnh tương tự như nuôi vịt giống, tuân thủ nguyên tắc vệ sinh thú y chuồng nuôi, thức ăn chất lượng tốt, không bị ôi mốc, không chứa độc tố.

Chuồng nuôi không đọng nước, luôn khô ráo và dọn phân rác thường xuyên. Vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày. Phát hiện và loại thải kịp thời vịt bệnh. Trong 3 ngày đầu cho vịt uống nước có pha vitamin ADE và B tổng hợp để tăng sức đề kháng cho vịt. Cho uống kháng sinh phòng bệnh đường ruột lúc 1 tuần tuổi và 4 tuần tuổi. Vịt Xiêm rất mẫn cảm với kháng

sinh nên sử dụng thuốc thú y phải chú ý theo chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật.

Tiêm vaccin dịch tả và tụ huyết trùng là 2 bệnh thường xảy ra trên vịt xiêm lúc 3 – 4 tuần tuổi.

VI. CHĂN NUÔI NGỔNG

1. Tình hình chăn nuôi ngỗng trên thế giới và trong nước

Ngỗng là một trong những loài gia cầm được con người nuôi thuần hóa sớm nhất, từ những bức tranh cổ ngỗng luôn là đối tượng hiện diện rất gần với đời sống của con người. Ngành chăn nuôi ngỗng rất phát triển ở châu Âu và Trung Quốc. Tuy có lịch sử phát triển lâu dài như vậy nhưng nghề chăn nuôi ngỗng không phát triển nhảy vọt như gà và vịt mà có những giai đoạn phát triển chậm và có khi giảm sút, nhất là trong thế kỷ vừa qua và hiện nay cũng có tốc độ phát triển không cao lắm. Theo điều tra của M.N. Romanov (2002) trên thế giới hiện nay chỉ còn hiện diện 59 giống ngỗng trong đó nhiều giống ngỗng có nguy cơ diệt chủng. Sản phẩm từ ngỗng là thịt, gan béo, mỡ và lông. Ngỗng được nuôi nhiều nhất ở Trung Quốc (bảng 18)

Bảng 18. *Số lượng và sản lượng ngỗng ở Trung Quốc và trên thế giới*

Chỉ tiêu	Trên thế giới	Trung Quốc	Phần còn lại
Số ngỗng (triệu)	204	175 chiếm 86%	29 chiếm 14%
Thịt ngỗng (1000 t)	1790	1640 chiếm 92%	150 chiếm 8%

Bảng 19. Một số giống ngỗng chuẩn trên thế giới

Giống ngỗng	Màu lông	Thể trọng trưởng thành (kg)		Năng suất trứng/ năm	Trọng lượng trứng (g)	Màu vỏ trứng
		Đực	Cái			
Emden	Trắng	10,0	9,0	40	170	Trắng
Pamernian	Trắng, xám	8,0	7,0	20	170	Trắng
Toulous	Xám	9,0	8,0	25	160	Trắng
Trung Quốc	Trắng	5,5	4,5	> 50	120	Trắng
Italia	Trắng	6,0	5,0	50	140	Trắng
Ngỗng chọi	Xám sẫm	7,0	5,5	20	120	Trắng

Từ những giống ngỗng trên các nhà nghiên cứu đã chọn lọc và lai tạo cho ra những tổ hợp lai có năng suất trứng cao và thể trọng cao ở 3 tháng tuổi. Sức sản xuất của một số tổ hợp lai ngỗng xám và ngỗng trắng thể trọng lúc 93 ngày tuổi là 4,0 – 4,5 kg, ngỗng đực trưởng thành nặng 6 – 7 kg, ngỗng cái nặng 5,8 – 6,5 kg, năng suất trứng 35 – 45 trứng/năm, 2 lứa đẻ đạt 60 trứng và nhồi lấy gan có thể thu được 350 – 600 g gan béo. Một ngỗng cái có thể sinh sản được 40 – 45 ngỗng con, từ đó có thể sản xuất ra 160 – 180 kg thịt, 70 – 80 kg mỡ và 20 – 25 kg gan béo, 1 – 2 kg lông tơ và 4 – 7 kg lông thô.

Ở Việt Nam chưa có nhiều tài liệu nói về nghề nuôi ngỗng, nhất là khu vực phía Nam. Theo Mạc Thị Quý và cs (1999) ngỗng được nuôi tại nhiều vùng như Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội), Cẩm Giàng, Khoái Châu (Hưng Yên), Vĩnh Yên, Vĩnh Lạc (Vĩnh Phú), Yên Phong, Việt Yên (Bắc Giang). Ngỗng được nuôi lẻ tẻ theo từng hộ gia đình vài con chứ chưa thành đàn lớn.

Những giống ngỗng nội như ngỗng Sen Trắng, ngỗng Sư Tử lông xám hầu như chưa có nghiên cứu về khả năng sản xuất cũng như vai trò kinh tế của chúng. Năm 1976 Việt Nam đã nhập ngỗng Rheinland về nuôi tại Viện Chăn nuôi quốc gia. Theo Nguyễn Đăng Vang (1986) ngỗng Rheinland dễ nuôi, thích nghi nhanh chóng với phương thức nuôi chăn thả tại nhiều địa phương ở miền Bắc và miền Trung. Năng suất cũng khá cao, trọng lượng lúc 63 ngày tuổi ngỗng đực nặng 4,0 – 4,5 kg, cái nặng 3,8 – 4,2 kg. Năng suất trứng đạt 54 – 64 quả/vụ (Nguyễn Đăng Vang, 1986). Năm 1999 Mạc Thị Quý và cs khảo sát năng suất của đàn ngỗng Rheinland nuôi chăn thả trên nhiều địa phương Bắc bộ cho thấy kết quả rất khả quan, tỷ lệ nuôi sống ngỗng con từ 0 – 77 ngày tuổi là khá cao 91,7 – 95%, trọng lượng lúc 77 ngày tuổi đạt 4,0 kg (đực) và 3,6 kg (cái). Con lai giữa ngỗng đực xám địa phương với ngỗng cái Rheinland cho tỷ lệ nuôi sống rất cao, đạt 98,4% trong giai đoạn 0 – 77 ngày tuổi. Trọng lượng lúc 77 ngày tuổi đạt bình quân 4,4 kg. Với phương thức nuôi chăn thả mức tiêu tốn thức ăn cho 1 kg trọng lượng sống rất thấp, 1,7 – 2 kg thóc và bắp.

Sản lượng trứng bình quân 57,3 quả trứng/vụ với tỷ lệ trứng có phôi bình quân 88,1%. Ấp trứng bằng máy ấp cho tỷ lệ nở trung bình 63% trên tổng số trứng đem ấp. Mức tiêu thụ lúa và bắp bình quân/1 ngỗng cái sinh sản là 49,2kg/năm.

2. Một số ưu nhược điểm của ngỗng

➤ Ưu điểm

Ngỗng thích nghi tốt trong điều kiện nóng và ẩm ở Việt Nam, khả năng kháng bệnh tốt, ăn tạp, sử dụng

và tiêu hóa được nhiều thức ăn thô xanh, sau 6 tuần tuổi ngỗng có thể sử dụng 40 – 50% thức ăn thô xanh như rau, cỏ. Thịt ngỗng có vật chất khô cao, hàm lượng protein và năng lượng cao hơn thịt heo, nhiều mỡ giữa mô cơ nhưng mỡ không làm giảm giá trị và chất lượng thịt mà mỡ làm cho thịt mềm, ngon, mỡ ngỗng đông đặc ở nhiệt độ thấp < 25°C.

➤ *Nhược điểm*

Năng suất trứng thấp, tốc độ tăng trọng nhanh nhưng trọng lượng và thời điểm có thể giết thịt được chậm hơn so với gà và vịt. Chế biến thịt ngỗng phức tạp hơn thịt gà và vịt.

Với những ưu khuyết điểm trên ta thấy ngỗng khó có thể phát triển mạnh như các loài gia cầm khác, nhưng trong cơ cấu vật nuôi ở nước nông nghiệp như Việt Nam thì ngỗng là loài gia cầm cần thiết trong hệ thống chăn nuôi bền vững.

➤ *Mục đích của nghề chăn nuôi ngỗng*

Mục đích nuôi ngỗng để sản xuất thịt và lông, thịt ngỗng béo hơn thịt các loài gia cầm khác nên được một số vùng địa phương ưa thích. Lông tơ mịn 25 – 50 g/con là sản phẩm rất có giá trị, len, mềm, quần áo ấm từ lông ngỗng vừa nhẹ, mịn lại giữ ấm tốt.

Nuôi ngỗng thả lang thang trong trang trại vừa diệt cỏ dại, thu nhặt phụ phế phẩm rơi vãi trên đồng bãi, trên trang trại. Ngỗng có thể giữ nhà tốt do mắt và tai ngỗng rất thính nên khi phát hiện có người lạ đột nhập kêu, tiếng kêu rất to có thể báo động cho chu biết.

3. Phương thức nuôi

➤ Nuôi nhốt

Hình thức nuôi nhốt tập trung chỉ có thể trong những trại thuộc các trung tâm nghiên cứu về ngỗng. Trên thế giới nuôi ngỗng cũng chỉ nhốt lúc úm ngỗng con và khi nhồi béo lấy gan, còn ngỗng từ 1 tuần tuổi thường thả ra sân chơi hay bãi cỏ như nuôi vịt Xiêm.

Do sản phẩm không phổ biến ở Việt Nam nên việc nuôi ngỗng nhốt thâm canh hầu như không có.

➤ Nuôi chăn thả

Ngỗng thường nuôi theo quần thể nhỏ từ vài con đến vài chục con trong trang trại.

4. Kỹ thuật nuôi ngỗng

4.1 Nuôi ngỗng con từ 0 – 4 tuần tuổi

➤ Chọn ngỗng con

Chọn ngỗng con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, mắt tinh nhanh, bộ lông óng ánh, bông xốp, không bị bết lông, không hở rốn, không bị dị tật.

➤ Chuồng trại

Trong tuần đầu có thể úm ngỗng con trên nền hoặc trên sàn trong chuồng nuôi sao cho đảm bảo đủ ấm, an toàn cho ngỗng. Chuồng ngỗng đơn giản, có thể dùng cát ép, mảnh mảnh cao khoảng 40 – 50 cm quây ngỗng lại, dưới nền lót trấu, rơm hoặc cỏ khô giữ ấm chân cho ngỗng.

Nhiệt độ cần thiết trong 5 ngày đầu là 30 – 31°C,

khí nhiệt độ môi trường xuống thấp hoặc lúc trời mưa gió nên dùng bóng đèn tròn sưởi ấm cho ngỗng; đặc biệt chú ý trong 3 ngày đầu tiên, bóng đèn cao cách lưng ngỗng khoảng 30 cm. Sau 5 ngày ngỗng con đã có thể thả ra sân chơi hay vườn cỏ trong những giờ nắng ấm, lưu ý trong 4 tuần đầu giữ không để ngỗng con bị ướt lông để bị lạnh gây cúm chảy nước mắt mũi và làm chết ngỗng.

Mật độ trong tuần đầu 20 – 25 con/m² nền chuồng, úm trên lông có thể nuôi ở mật độ 40 con/m². Ngỗng lớn rất nhanh trong giai đoạn này nên sau 1 tuần phải nuôi giãn mật độ và cho ra sân chơi hay bãi cỏ như vậy mới tránh được hiện tượng mổ lông nhau.

Máng ăn: người ta thường trải thức ăn trên khay, nia hay mẹt có khoảng rộng cho ngỗng đứng ăn, như vậy thức ăn đỡ rơi vãi hơn so với cách trải thức ăn trên nền chuồng.

Máng uống rất quan trọng, đảm bảo luôn có nước sạch cho ngỗng con uống. Hiện nay loại bình uống tự động cũng đã phổ biến, mỗi bình có thể sử dụng cho 80 – 100 ngỗng con, 60 – 70 ngỗng lớn.

➤ **Thức ăn**

Trong những ngày đầu cho ngỗng ăn rau non, mềm như xà lách, rau diếp thái thật nhỏ trộn lẫn với thức ăn dạng bột, sau 2 ngày có thể cho ăn thức ăn hỗn hợp của gà con, vịt con. Ngoài rau thái nhỏ trộn với thức ăn nên để rau nguyên cây cột ở góc chuồng cho ngỗng con tự tập vặt lá cây, lượng rau thái nhỏ trộn trong thức ăn không quá nhiều sao cho ngỗng ăn được nhiều thức ăn

đủ cho nhu cầu sinh trưởng phát triển nhanh trong thời kỳ ngỗng con, theo dõi những lần trải thức ăn nếu ngỗng ăn hết thức ăn còn lại rau thì nên bớt rau. Cho ngỗng ăn tự do với 5 – 6 lần trải thức ăn/ngày, nên theo dõi và điều chỉnh lượng thức ăn sao cho sau 10 – 20 phút ngỗng ăn hết thức ăn trải trong khay, sau đó ngỗng sẽ nhặt sạch máng ăn.

Sau 1 tuần có thể thả ngỗng ra bãi chăn thả, trong giai đoạn này ngỗng nhanh lớn, rất háu ăn. Thức ăn hỗn hợp chỉ cho ăn 2 bữa chính sáng và chiều với lượng thức ăn tự do. Tùy vào tình trạng nguồn thức ăn trên bãi thả và tốc độ tăng trọng của ngỗng mà quyết định sử dụng thức ăn hỗn hợp hay chỉ cho ăn thêm lúa hoặc bắp.

4.2. Nuôi ngỗng giò 5 tuần tuổi trở lên

Giai đoạn này ngỗng rất phàm ăn, tốc độ tăng trọng nhanh nên chế độ nuôi dưỡng cũng phải phù hợp. Nuôi ngỗng thịt cho ăn thức ăn hỗn hợp của vịt choai với mức protein 15 – 16%, lúc này ngỗng có thể sử dụng khoảng 30 – 50% thức ăn xanh như cỏ, rau. Nên cho ngỗng ăn rau cỏ trên bãi chăn thả ngỗng sẽ tự lựa chọn thức ăn nên không bị tiêu chảy, phân khô, chuồng sẽ sạch hơn. Trong giai đoạn này có thể tận dụng thức ăn dư thừa, phụ phẩm phẩm nông - công nghiệp như bã đậu, hèm bia, hèm rượu làm thức ăn cho ngỗng, sau 8 tuần ngỗng có thể sử dụng được tới 50 – 60% thức ăn thô xanh nên nếu có bãi chăn thả rộng sẽ giảm lượng thức ăn và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Ngỗng có thể giết thịt lúc 10 đến 12 tuần tuổi khi

trọng lượng đạt 3,5 – 4,5 kg tùy giống.

4.3. Vỗ béo (nhồi ngỗng)

Khi ngỗng được 8 tuần tuổi là thời gian nhồi vỗ béo thích hợp để có thịt ngỗng và gan ngỗng béo, ngon. Chủ yếu ép ngỗng ăn nhiều thức ăn hơn khả năng ăn của chúng với thức ăn có nhiều chất bột đường như gạo, bắp, khoai lang, khoai mì, bí đỏ, thêm cám gạo, nếu có thể thêm bánh dầu phộng và ít bột cá lợ khoảng 5%, khoảng 20% rau xanh, tất cả hỗn hợp nấu chín và cho ngỗng ăn tự do.

Trong 1 tuần đầu cho ăn thật no, thức ăn ngon cho chúng ăn được càng nhiều thức ăn càng tốt. Khi ngỗng đã mập có thể nhồi cưỡng bức trong 1 tuần trước khi kết thúc 2 tuần vỗ béo. Trong thời gian này ngỗng được nhốt trong chuồng yên tĩnh, hơi tối, cho uống nước sạch tự do. Không nên kéo dài thời gian vỗ béo quá 2 tuần.

4.4. Phòng bệnh cho ngỗng

Ngỗng có sức kháng bệnh khá cao nên hầu như ít bị bệnh. Tuy nhiên khi nuôi tập trung khoảng vài chục con trở lên thì phải tuân thủ quy trình vệ sinh thú y nghiêm ngặt như các loại gia cầm khác. Vệ sinh chuồng trại phải luôn đảm bảo dọn sạch phân rác, chuồng luôn khô ráo, không đọng nước, luôn có nước sạch cho ngỗng uống. Thức ăn ôi, mốc, hư hỏng cũng là nguyên nhân gây bệnh cho ngỗng, có khi chết cả đàn.

Bãi chăn thả không có độc tố như thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ. Nếu có đàn ngỗng trước đã chăn thả thì

đồng bãi để trống khoảng 1 đến 2 tháng mới thả đàn mới. Trong trường hợp đàn trước bị bệnh dịch thời gian để trống kéo dài hơn.

Ngỗng con trong tuần đầu có thể cho uống kháng sinh phòng bệnh tụ huyết trùng và thương hàn, nếu nuôi ngỗng cao sản có thể bổ sung vitamin tổng hợp trong thức ăn hoặc nước uống để nâng cao sức đề kháng cho ngỗng.

Phần 5

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN VỊT VÀ NGỒNG

Theo TS. Nguyễn Xuân Bình ở khu vực miền Nam vịt hay bị một số bệnh truyền nhiễm theo lứa tuổi như sau:

Bảng 20. Một số bệnh thường gặp trên vịt

Thứ tự	Tên bệnh	Lứa tuổi dễ mắc bệnh
1	Viêm rốn	2 – 7 ngày tuổi
2	Bệnh do <i>E. coli</i>	1 – 15 ngày tuổi
3	Viêm xoang mũi	7 – 15 ngày tuổi
4	Tụ huyết trùng	Trên 20 ngày tuổi
5	Dịch tả	Trên 20 ngày tuổi

I. BỆNH VIÊM GAN DO VIRUS Ở VỊT CON

Bệnh do Entero virus gây nên cho vịt con từ 1 đến 5 tuần tuổi, vịt con mới nở rất mẫn cảm với bệnh này, sau 5 tuần vịt con đề kháng tốt nên bệnh ít xảy ra. Virus bền vững với sức nóng của buồng ấp, có thể tồn tại lâu dài trong chuồng trại và có thể lây nhiễm qua trứng ấp.

Bệnh gây hại trên vịt con, thời kỳ đầu của thể cấp tính hầu như không có triệu chứng lâm sàng rõ rệt, vịt con ngã sang một bên, chân run rẩy, tỷ lệ chết cao. Bệnh có thể giảm và ngừng sau 7 – 8 ngày xảy ra ổ ạt. Bệnh tích thấy rõ gan sưng to, xuất huyết ngả màu

vàng lục do mật sưng to tiết ra. Có thể thấy thận, lách sưng to và xuất huyết, ruột viêm cata. Xác chết xung huyết, khi chết thường uốn cong mình do co cứng thần kinh.

Thể nhẹ bệnh giảm dần nhưng vẫn có những rối loạn chức năng gan, rối loạn trao đổi glucid và protein nên sau khi bệnh mặc dù vịt con có vẻ phục hồi nhưng tăng trọng giảm.

Phòng bệnh chủ yếu thực hiện tốt quy trình vệ sinh chuồng nuôi, vệ sinh ổ đẻ và trứng giống. Cách ly và vệ sinh sát trùng triệt để sau mỗi đợt nuôi. Có thể tiêm vaccin phòng bệnh viêm gan cho vịt bố mẹ lúc 7 tuần và trước khi vào vụ đẻ.

II. DỊCH TẢ VỊT, VỊT XIÊM (DUCK PLAGUE- DPV)

Do Herpes virus gây bệnh cho vịt, ngỗng, vịt xiêm ở mọi lứa tuổi. Bệnh lây lan nhanh qua tiếp xúc, qua trung gian hoặc truyền qua trứng. Virus thải qua phân ra môi trường là nguồn lây bệnh trong một thời gian dài, trong cơ thể gan là cơ quan chứa nhiều virus. Bệnh xuất hiện khắp nơi trên thế giới với chỉ 1 serotype nhưng virus có vài chủng với độc lực thấp, trung bình và độc lực cao.

Bệnh lây lan nhanh bằng con đường trực tiếp từ vịt bệnh sang vịt lành hoặc gián tiếp qua thức ăn, nước uống. Bệnh có thể lây truyền dọc qua trứng sang phôi và vịt con. Những đàn vịt chăn thả lây lan nhanh, vịt trời, ngỗng hoang ở mọi lứa tuổi đều có nguy cơ nhiễm bệnh, do chúng có sức đề kháng cao nên bệnh thường ở

dạng mãn tính nhưng thời gian mang trùng dài có thể đến 4 năm.

Virus DPV đề kháng kém với những yếu tố sát trùng, Formalin 3% có thể diệt virus nhanh.

Triệu chứng lâm sàng thể cấp tính do chủng virus có độc lực mạnh thường diễn biến nhanh trong vòng 1 tuần, vịt thở mạnh, chảy nước mắt, nước mũi, ngã quỵ, tiêu chảy mạnh và chết nhanh ngay cả khi đang bơi. Thể mãn tính vịt yếu dần, đi lại chậm chạp, loạn choạng, kém ăn, giảm sức sinh trưởng hoặc giảm hay ngưng đẻ trứng.

Bệnh tích đa dạng, xuất huyết điểm tạo thành vòng ở ruột, thực quản, gan hoại tử và xuất huyết, viêm màng ngoài tim, lách và mật sưng to.

Nếu vịt con chết đột ngột ở độ tuổi từ 2 – 7 tuần, cần chẩn đoán phân biệt với các bệnh khác như tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn máu, viêm gan siêu vi hoặc ngộ độc aflatoxin bằng những bệnh tích đặc trưng xuất huyết vòng ở thực quản và lỗ huyết.

Phòng bệnh: các biện pháp vệ sinh phòng bệnh cần thực hiện nghiêm ngặt, sát trùng chuồng trại định kỳ, máng ăn máng uống luôn sạch, sau mỗi đợt nuôi nên tổng vệ sinh phân, chất độn chuồng kỹ lưỡng, phun thuốc sát trùng và để trống chuồng một thời gian ít nhất là 4 tuần. Tiêm vaccin phòng bệnh định kỳ cho đàn vịt. Khi có nguy cơ bệnh ngưng thả vịt chạy đồng hay trên ao hồ, nhốt vịt lại, tăng cường sức đề kháng bằng vitamin tổng hợp, đặc biệt vitamin C và A liều

cao. Tẩy uế sát trùng máy ấp trứng trước và sau mỗi đợt ấp.

Hiện có 2 loại vaccin nhược độc cấy truyền qua phôi gà và vaccin tế bào. Tiêm vaccin dưới da cho vịt sau 2 tuần tuổi. Vaccin dịch tả vịt hiện nay có thể sử dụng tiêm cho vịt xiêm và ngỗng. Lịch tiêm vaccin dịch tả vịt: Vịt nuôi thịt chủng 1 lần lúc 18 – 21 ngày tuổi. Vịt đẻ trứng chủng lần 1 lúc 18 – 21 ngày tuổi, lần 2 lúc 9 tuần tuổi, tái chủng trước khi đẻ 1 tháng, sau đó tái chủng 6 – 8 tháng/lần.

III. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG

Do vi trùng *Pasteurella multocida* gây bệnh ở nhiều loài gia cầm trong đó vịt và vịt Xiêm rất mẫn cảm, ở Việt Nam vịt và vịt Xiêm mắc bệnh tụ huyết trùng chết cao có khi tới 90 – 100%. Bệnh lây truyền từ vịt bệnh sang vịt khỏe qua thức ăn, nước uống có nhiễm mầm bệnh.

Triệu chứng lâm sàng thể cấp tính vịt chết đột ngột, phân loãng trắng hoặc trắng xanh lầy nhầy có máu tươi. Vịt thở khó, chảy nước mũi. Gà chết nhanh do vi trùng xâm nhập vào máu gây nhiễm trùng huyết. Thể á cấp thường thấy ở vịt đẻ, mắt mũi sưng, viêm kết mạc, khớp sưng gây liệt chân và cánh. Vịt giảm đẻ hoặc ngưng đẻ, chết dần, tỷ lệ chết có khi lên đến 90 – 100%.

Bệnh tích đặc trưng là xuất huyết phủ tạng như phổi, gan ruột, cơ tím sẫm. Có thể thấy dịch nhầy dạng “phomat” ở bề mặt tim gan, bề mặt gan có đốm trắng hoại tử lấm tấm như đầu kim gút. Lách sưng và hoại tử.

Phòng và trị bệnh: Quy trình vệ sinh thú y phải tuân thủ nghiêm ngặt, vệ sinh tốt chuồng trại, máng ăn, máng uống cho vịt. Luôn có nước sạch cho vịt uống. Có thể tiêm phòng vaccin nhũ dầu khi vịt được 3 - 4 tuần tuổi, vịt đẻ tái chủng mỗi 6 tháng. Bệnh tụ huyết trùng có thể điều trị bằng kháng sinh nếu phát hiện sớm.

IV. BỆNH THƯƠNG HÀN Ở VỊT VÀ VỊT XIÊM (SALMONELLOSIS)

Do một hay nhiều chủng vi khuẩn *Salmonella* gây ra ở thủy cầm thể cấp hoặc thể mãn. Thường hay gặp bệnh dịch với chủng phẩy khuẩn gram (-) *Salmonella* spp, đó là chủng phân bố rộng rãi trong thiên nhiên ở khắp nơi, mỗi nguy hại là vi trùng có thể gây nhiễm cho gia cầm, gia súc và người, mọi đối tượng đều có thể là vật mang trùng và là nguồn lây lan bệnh. Vi trùng cơ hội, khu trú trong ống tiêu hóa người ta phát hiện thấy cả 2 chủng *Salmonella pullorum* và *S. gallinarum* đều gây bệnh cho gia cầm nói chung, vịt và vịt Xiêm nói riêng. Vịt con dưới 3 tuần tuổi mắc cảm hơn so với vịt lớn, triệu chứng lâm sàng rõ ràng hơn, tình trạng bệnh thường ở thể cấp tính đôi khi gây chết nhiều. Các serotype khác như *S. typhimurium* và *S. enteritidis* cũng rất nguy hiểm cho vịt và vịt Xiêm.

Vi khuẩn *Salmonella* rất nhạy cảm với nhiệt độ cao và các chất sát trùng, ở nhiệt độ bình thường chúng có thể bền, ít mắc cảm hơn. Bệnh truyền lây qua thức ăn, nước uống, bệnh có thể truyền dọc qua trứng, nhiều tác giả thông báo việc phát hiện vi khuẩn *Salmonella*

trong lòng đỏ trứng vịt.

Triệu chứng: tỷ lệ ấp nở thấp, tỷ lệ trứng chết phôi cao, vịt con chết trong khay nở hoặc trong vài ngày đầu mà không có triệu chứng lâm sàng nào có thể cho thấy đàn vịt trong trại có thể đã có mầm bệnh tiềm tàng, khi đó cần có biện pháp xử lý kịp thời như vệ sinh chuồng trại, chất độn chuồng, ổ đẻ, trứng phải được xông sát trùng kỹ lưỡng trước khi đưa vào kho bảo quản.

Thể cấp vịt ủ rũ, cánh sã, lông dựng ngược, tiêu chảy nặng gây tình trạng mất nước nghiêm trọng, vịt yếu dần và chết do suy kiệt. Một số vịt có triệu chứng thần kinh như đi đứng loạng choạng, mất thăng bằng, đầu luôn lắc, cổ ngoẹo tư thế run rẩy. Tỷ lệ mắc bệnh cao nhưng tỷ lệ chết khoảng 10%. Tình trạng bệnh nặng nhẹ phụ thuộc rất nhiều vào chế độ quản lý và chăm sóc, các tác nhân gây stress, thiếu vitamin A làm bệnh trầm trọng hơn. Bệnh có thể thứ phát sau khi mắc bệnh viêm gan siêu vi và các bệnh nhiễm trùng khác.

Bệnh tích có điểm hoại tử ở gan, thận, lách. Thận bạc màu, urat tích đầy ống dẫn niệu. Manh tràng và trực tràng sưng to, chứa nhiều chất bã đậu trắng.

Phòng và trị bệnh: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống, ổ đẻ. Chỉ nuôi vịt cùng lứa tuổi và có biện pháp phòng bằng kháng sinh định kỳ trong 3 – 5 ngày đầu, sau đó lặp lại sau 45 – 60 ngày. Chlotetracyclin, oxytetracyclin, hỗn hợp sulphat trộn đều trong thức ăn phòng bệnh trong

tuần đầu, sau 1 tháng lặp lại cho kết quả tốt. Những kháng sinh khác như Genta- costrim, Chlobactrim, Neotesol Esb₃, Ampicillin – septol ... cũng tương đối hiệu quả với bệnh Salmonellosis nhưng hiện nay trước khi sử dụng kháng sinh nên thử kháng sinh đồ để tránh các loại kháng sinh đã bị kháng để việc phòng bệnh có hiệu quả hơn.

V. BỆNH NẤM PHỔI (ASPERGILLOSIS)

Bệnh viêm phổi do loài nấm *Aspergillus fumigatus*, bệnh lây nhiễm khi hít hít phải bào tử nấm từ chất độn chuồng, rác, thức ăn và trong buồng ấp.

Các loại gia cầm đều có thể mắc bệnh. Gia cầm con rất mẫn cảm với bào tử nấm nên dễ phát bệnh, gia cầm lớn có sức đề kháng nên bệnh diễn biến nhẹ hơn hoặc không gây tổn thương đáng kể cho phổi.

Triệu chứng: Vịt gây còm, yếu, thở khó dần, khi bệnh nặng thở hỗn hển, há mỏ để thở, khi thở tạo âm rít như thổi sáo. Bệnh tích ở phổi và túi khí với những đốm màu trắng, vàng cho đến xanh, đôi khi có lạc khuẩn nấm ở các phủ tạng.

Phòng và trị bệnh: Luôn giữ chuồng trại, chất độn chuồng khô và sạch. Phải phát hiện bệnh sớm và có biện pháp xử lý kịp thời, khi bệnh nặng điều trị ít kết quả. Có thể sử dụng 1 trong các thuốc sau khi bệnh mới bộc phát, đàn vịt còn khỏe:

- Kali Iod 5 – 10 g/ lít nước.
- Sulphat đồng 0,3 – 0,5 g/lít nước.

➤ Mycostatin 2 g/ 100 kg thức ăn.

➤ Nystatin 6 g/ 100 kg thức ăn.

Sử dụng thuốc trong 5 – 10 ngày liên tục. Loại thải những vịt bệnh nặng. Di chuyển đàn vịt sang ô chuồng khác, vệ sinh đốt bỏ phân rác và chất độn chuồng, tổng vệ sinh sát trùng chuồng.

VI. BỆNH NHIỄM ĐỘC TỔ NẤM MỐC AFLA-TOXIN (AFLATOXYCOSIS)

Vịt và vịt Xiêm rất mẫn cảm với độc tố nấm mốc trong thức ăn, mycotoxin nói chung và aflatoxin nói riêng. Độc tố sinh ra do thức ăn bị nhiễm nấm mốc *Aspergillus flavus*, aflatoxin tác động lên gan gây ung thư, ức chế sự đáp ứng miễn dịch. Nhiễm độc gây hại cho mọi lứa tuổi nhưng trên vịt con bệnh lý diễn biến nặng hơn nhiều so với vịt lớn.

Tùy lượng độc tố ăn vào tình trạng ngộ độc có mức độ nặng nhẹ khác nhau. Liều gây chết LD₅₀ của aflatoxin trên vịt con là 182 mcg.

Triệu chứng lâm sàng thường không rõ ràng, vịt ăn ít, chậm lớn, tiếng kêu khác lạ, xuất huyết ở màng chân và cánh có thể coi là triệu chứng đầu tiên của ngộ độc. Sau đó vịt yếu dần, rối loạn vận động, liệt, co giật và chết, tư thế chết ngọe đầu ra phía sau.

Bệnh tích ở gan rất rõ và đặc trưng khi mổ vịt chết như sưng to màu vàng xám như đất sét, thận sưng to có xuất huyết điểm, có thể thấy xuất huyết ở tụy. Vịt còn sống gan trắng bệch, xơ cứng, có thể sưng to hay teo gan. Vịt lớn có tích nước màng tim và xoang bụng

mà ít thấy ở vịt con, thận sưng có xuất huyết.

Phòng và trị bệnh phải thường xuyên kiểm tra thức ăn đặc biệt khi sử dụng các loại thức ăn dễ nhiễm nấm mốc như bánh dầu đậu phộng, bắp, phát hiện tình trạng nhiễm độc trên đàn vịt sớm phải thay đổi thức ăn. Có thể sử dụng một số chế phẩm hấp phụ hoặc phá hủy cấu trúc của aflatoxin, đàn vịt phục hồi bằng cách nâng cao thể trạng những vịt nhiễm độc nhẹ và loại thải những vịt nhiễm nặng, gây yếu. Hiện thời chưa có thuốc điều trị cho tình trạng nhiễm độc aflatoxin cũng như mycotoxin.

VII. BỆNH DO VI KHUẨN *E. COLI*

Bệnh do nhiễm vi khuẩn *E. coli* gây ra, ở vịt con trong giai đoạn úm tỷ lệ chết cao, có khi chết tới 40 – 50%. Vịt lớn hơn triệu chứng bệnh nhẹ và tỷ lệ chết không đáng kể. Vi khuẩn *E. coli* xâm nhập vào cơ thể qua thức ăn, nước uống, vịt hở rốn dễ bị nhiễm. Là vi trùng cơ hội thường có trong ống tiêu hóa của vịt nên trong điều kiện vệ sinh kém, có nhiều yếu tố gây stress, vịt con yếu, sức kháng bệnh giảm bệnh có thể bùng phát.

➤ Triệu chứng

Vịt đứng ủ rũ, lông xù, chịu lạnh kém, tiêu chảy phân trắng. Nếu bệnh nặng vịt mất nước, co giật và chết.

➤ Bệnh tích

Mổ khám bệnh tích thấy gan sưng, xuất huyết, ruột sưng, niêm mạc phù nề, đỏ bầm, phân trắng. Trên

túi khí, màng tim có những điểm màu trắng vàng, đây là bệnh tích phân biệt với bệnh phó thương hàn.

➤ **Phòng và trị bệnh**

Thực hiện nghiêm quy trình vệ sinh chuồng trại, máng ăn, nước uống. Không nuôi vịt con hở rốn. Trong giai đoạn vịt con trải thức ăn nhiều lần, lượng thức ăn vừa đủ cho vịt ăn hết, thức ăn thừa bị ôi thiu phải bỏ đi và rửa sạch máng ăn. Mỗi tuần nên tập cho vịt ăn từ từ, tăng dần mỗi tuần và không nên cho ăn quá nhiều mỗi tuần.

Sử dụng kháng sinh như Tetracyclin, Ampicillin, Colistin trộn trong thức ăn hoặc nước uống phòng bệnh trong tuần đầu, sau đó định kỳ 1 tháng rưỡi đến 2 tháng 1 lần.

VIII. BỆNH VIÊM MŨI TRUYỀN NHIỄM

Do vi khuẩn *Mycoplasma* gây ra cho vịt con giai đoạn 10 – 20 ngày tuổi khi thời tiết thay đổi đột ngột, mưa dài ngày, chuồng ẩm ướt, lông vịt bị bết dính do bùn hay thức ăn làm vịt lạnh.

➤ **Triệu chứng**

Vịt con ủ rũ, chảy nước mắt, nước mũi, khó thở, thở khò khè, há miệng thở, cổ ngứa như đớp không khí. Bệnh tiến triển nặng mí mắt viêm dính lại, vịt con mở mắt khó khăn, giác mạc đầy ghèn, mủ.

➤ **Bệnh tích**

Hốc mũi chứa đầy dịch nhầy dính bết, niêm mạc mũi và xoang mũi viêm xung huyết. Phổi ứ nước, màng

bao tim và túi khí bị viêm dính phủ lớp fibrin màu vàng.

➤ Phòng và trị bệnh

Vịt nuôi chỗ ẩm, không gió lùa, vệ sinh chuồng trại tốt trước khi bắt vịt về. Tập cho vịt xuống nước khi trời nắng ấm, đường lên xuống mặt nước không bị bùn lầy làm bết lông vịt, dễ bị lạnh.

Cho uống kháng sinh như Oxytetracyclin, Tylant, Suanovin hoặc TTS phòng bệnh trong tuần đầu trong chương trình phòng 3 bệnh là các bệnh do *Salmonella*, bệnh do *E. coli* và bệnh do *Mycoplasma* gây ra.

Bảng 21. Mật độ nuôi vịt cao sản

Lứa tuổi	Vịt siêu thịt	Vịt siêu trứng
1 – 7 ngày tuổi	25	28
8 – 14 ngày tuổi	18	20
15 – 35 ngày tuổi	10	12
36 – 56 ngày tuổi	6	7
Vịt hậu bị	4	5
Vịt đẻ	3	5

IX. NHỮNG XÁO TRỘN DO MẤT CÂN ĐỐI DINH DƯỠNG

➤ Thiếu vitamin và khoáng

Khi nuôi vịt cao sản ta cần chú ý thức ăn phải đủ và cân đối chất dinh dưỡng. Đặc biệt trong tuần đầu tiên vịt con chưa phát triển đầy đủ khả năng tiêu hóa thức ăn nên phải cung cấp cho vịt vitamin tổng hợp

trong đó vitamin A rất quan trọng. Thiếu vitamin vịt con còi cọc, chậm lớn, sức kháng bệnh kém, vịt dễ bị nhiễm các bệnh truyền nhiễm khác, bệnh xảy ra trầm trọng hơn.

Thiếu khoáng như Ca, Mn vịt chậm lớn, xương yếu, phù chân ở vịt con. Vịt đẻ trứng mỏng, năng suất trứng giảm, trứng giống có tỷ lệ chết phôi cao, tỷ lệ nở thấp, vịt mái bị liệt.

Phần 6

KỸ THUẬT GIẾT MỔ VỊT, VỊT XIÊM

I. VỊT ĐẠT TIÊU CHUẨN GIẾT THỊT

Tùy giống vịt mà chọn thời điểm xuất chuồng nhưng phải đạt 2 chỉ tiêu:

➤ Bộ lông phủ đã hoàn chỉnh, dựa vào đặc điểm giao nhau giữa 2 lông cánh, thời điểm vịt chéo cánh.

➤ Đạt trọng lượng theo yêu cầu của thị trường, vịt Tàu khoảng 1,5 – 1,7 kg, vịt cao sản có trọng lượng xuất chuồng cao hơn tùy theo giống.

Vịt phải khỏe mạnh, phao câu đầy gần như gắn liền vào lưng vịt, vịt gầy ốm phao câu dài, mảnh, tách nhô ra khỏi lưng vịt.

II. KỸ THUẬT GIẾT MỔ

➤ *Đón bắt và vận chuyển*

Nên bắt vịt một cách nhẹ nhàng, nhanh vào lúc vịt đói, nên vận chuyển vào sáng sớm hay chiều tối. Có thể nhốt vịt theo từng lồng với chiều cao khoảng 35 – 40 cm để vịt có thể đứng được khi vận chuyển. Nên nhốt vịt theo từng nhóm nhỏ tùy theo trọng lượng vịt và quãng đường vận chuyển xa hay gần, tránh khi di chuyển vịt xô ngã, bầm dập làm giảm chất lượng quây thịt.

Nếu vận chuyển xa phải có phương tiện vận chuyển đặc thù, thoáng mát, nếu khí hậu nóng thỉnh thoảng phun nước cho vệt tắm mát. Có thể xếp lồng thành nhiều tầng vận chuyển nhiều vệt thì giá vận chuyển sẽ giảm.

Đến nơi giết mổ để vệt nghỉ vài tiếng trước khi giết mổ giảm stress cho vệt như vậy thịt sẽ tốt hơn.

Phun nước tắm cho vệt trước khi cắt tiết, dùng dao thật sắc cắt 1 lát mạnh và sâu vào vùng dưới vành tai nơi có chòm động tĩnh mạch dưới lưỡi, máu chảy ra mạnh và vệt chết sau vài phút. Nếu giết mổ trên dây chuyền thường gây sốc điện cho vệt choáng sau đó mới cắt tiết.

Lông vệt phủ lớp mỡ nên phải nhúng vệt vào nước xút loãng trước khi nhúng vào nước nóng thì lông sẽ dễ thấm nước hơn. Nước nóng khoảng 80°C nhúng vệt trong khoảng 10 giây sao cho nước nóng đủ thấm vào chân lông vệt làm cơ chân lông giãn ra và lông dễ nhổ. Không nên nhúng nước nóng quá lâu da vệt bị rách khi nhổ lông. Nhổ lớp lông phủ thường dễ hơn, sau đó là những lông măng, sau cùng dùng lửa hơ cháy lông tơ. Giết mổ dây chuyền thường dùng nhựa thông nóng chảy nhúng vệt, khi nhựa nguội cứng lại tạo thành lớp vỏ cứng kéo theo những lông tơ khi bóc bỏ lớp vỏ nhựa thông.

Cắt đứt thực quản ở vùng cổ, bóc tách thực quản ra khỏi da, mổ ngang bụng phía trên lỗ huyết khoảng 2 cm một lỗ đủ lớn để có thể khoét quanh lỗ huyết, moi nội quan ra một cách dễ dàng. Chú ý tránh làm vỡ phân và chất chứa trong ống tiêu hóa vào thịt. Chặt

chân vịt, rửa sạch thân thịt bằng nước sạch rồi bằng nước muối 5%, treo thân thịt lên cho ráo nước.

Phải bố trí lấy nội tạng vịt trong vòng 10 phút kể từ lúc vịt chết, vì sau khi vịt chết cơ trơn của ống tiêu hóa dẫn ra, vi sinh vật trong ống tiêu hóa thẩm thấu vào trong quây thịt, với môi trường giàu chất dinh dưỡng vi khuẩn sinh sôi nảy nở rất nhanh làm vấy nhiễm quây thịt gây ngộ độc cho người tiêu dùng.

➤ *Phân loại quây thịt*

Quây thịt tốt: Da trắng, không rách da, không bầm dập, không có lông măng. Các phần cơ thể đều, cân đối. Da dày có mỡ dưới da, ức phẳng, xương ức hầu như không nhìn thấy. Lưng phẳng, phao câu mập và ngắn, không cách biệt rõ với phần lưng.

Quây thịt trung bình: Da trắng, rách da ít, bầm dập không nghiêm trọng, không bầm dập ở phần ức và đùi, không có lông măng. Các phần cơ thể đều, cân đối. Da mỏng, lớp mỡ dưới da mỏng, Có thể thấy xương ức và xương lưng, phao câu tách biệt rõ khỏi phần lưng.

Quây thịt kém: Da rách, bầm dập nghiêm trọng, Vịt gầy ốm, xương ức và xương lưng nổi rõ, da mỏng hầu như không có lớp mỡ dưới da. Phao câu dài, nhọn tách biệt rõ khỏi phần lưng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Bình (1992). *Những bệnh thường gặp ở vịt nuôi tại miền Nam*. Hội thảo nghiên cứu và phát triển chăn nuôi vịt ở Việt Nam.
2. Bạch Thị Thanh Dân (1999). *Điều kiện và phương pháp bảo quản trứng ngan ảnh hưởng đến tỷ lệ ấp nở*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
3. Bạch Thị Thanh Dân, Nguyễn Quý Khiêm và cs (1999). *Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ làm mát và góc xếp trứng khi ấp đến kết quả ấp nở của trứng ngan*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
4. Bạch Thị Thanh Dân, Nguyễn Đăng Vang và cs, (1999). *Quy trình kỹ thuật ấp nhân tạo trứng ngan*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
5. Bạch Thị Thanh Dân, Nguyễn Đăng Vang và cs, (1999). *Nghiên cứu yếu tố nhiệt độ, ẩm độ trong quy trình ấp trứng ngan nhân tạo*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
6. Mai Dân (1999). *Công nghệ và kinh nghiệm nuôi ngỗng*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
7. Nguyễn Văn Diện, Dương Xuân Tuyển , Đinh Công Tiến (1999). *Nghiên cứu thăm dò tạo dòng vịt cao sản hướng thịt ở các tỉnh phía Nam*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
8. Trần Văn Đích và cs (1999). *Một số chỉ tiêu hình thái của vịt Cổ*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.

9. Hoàng Gián, Chu Thị Hằng (1999). *Nuôi thích nghi vịt CV super M trong điều kiện chăn thả tại Thanh Hóa*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
10. Phạm Sỹ Lăng, Bạch Mạnh Điều (2000). *Một số bệnh quan trọng ở gà, ngan, vịt*.
11. Lê Viết Ly, Phạm văn Trọng và cs (1999). *Kết quả nghiên cứu quỹ gen vịt cỏ qua 6 thế hệ*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
12. Nguyễn Công Quốc và cs (1999). *Chăn nuôi vịt cá kết hợp*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
13. Mạc Thị Quý và cs (1999). *Kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng và tuổi đẻ trứng đầu của ngan Pháp siêu nặng*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
14. Mạc Thị Quý và cs (1999). *Hướng dẫn kỹ thuật nuôi ngan Pháp dòng R31 và R51*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
15. Lê Thị Thúy và cs (1999). *Đặc điểm sinh học, tính năng sản xuất của ngan nội và hiệu quả kinh tế trong nuôi ngan chăn thả*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
16. Nguyễn Văn Thiện (1999). *Chăn nuôi ngỗng trên thế giới*. Chuyên san chăn nuôi gia cầm.
17. Phạm Văn Trọng, (2001). *Định hướng phát triển chăn nuôi vịt ngan giai đoạn 2000 – 2010*. Hội thảo chăn nuôi vịt.
18. Phạm Văn Trọng, (2001). *Phương thức canh*

tác kết hợp lúa – vịt. Hội thảo chăn nuôi vịt.

19. Dương Xuân Tuyển (2001). *Ứng dụng công nghệ dòng trong chăn nuôi vịt tại các tỉnh phía Nam. Hội thảo chăn nuôi vịt.*
20. Dương Xuân Tuyển, Hoàng Tuấn Thành. *Quy trình nuôi vịt thương phẩm CV 2000 và Khaki-Campbell phương thức nuôi tập trung. Hội thảo chăn nuôi vịt.*
21. Dương Xuân Tuyển, Hoàng Tuấn Thành. *Quy trình nuôi vịt thương phẩm CV 2000 và Khaki-Campbell thả đồng. Hội thảo chăn nuôi vịt.*
22. Dương Xuân Tuyển, Nguyễn Văn Bắc. *Quy trình nuôi vịt sinh sản bố mẹ giống CV super M và CV super M₂ cải tiến từ sơ sinh đến hết 40 tuần đẻ. Hội thảo chăn nuôi vịt.*
23. Dương Xuân Tuyển, Nguyễn Văn Bắc. *Quy trình nuôi vịt bố mẹ giống CV 2000 và Khaki Campbell từ sơ sinh đến hết 2 năm đẻ. Hội thảo chăn nuôi vịt.*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN 1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN	
CHĂN NUÔI VỊT	5
I. Tình hình phát triển chăn nuôi vịt	
trên thế giới	5
II. Tình hình phát triển chăn nuôi vịt tại	
Việt Nam	7
PHẦN II. CÁC GIỐNG VỊT VÀ NGỔNG	9
I. Nhóm vịt địa phương	9
1. Vịt Cỏ	9
2. Vịt Tàu	10
II. Nhóm vịt nhập nội lâu đời	11
1. Vịt Bắc Kinh	11
2. Vịt Hòa Lan	11
III. Nhóm vịt cao sản	12
1. Vịt Anh Đào	12
2. Vịt siêu thịt (Super meat)	12
2. Khaki Campbell	13
4. Vịt siêu trứng CV2000	15
IV. Các giống vịt Xiêm (ngan)	15
1. Giống vịt Xiêm nội	16
2. Giống vịt Xiêm nhập nội	21
V. Các giống ngỗng	23
1. Ngỗng Toulouse	23
2. Ngỗng Embden	23
3. Một số giống ngỗng khác	23
PHẦN 3. PHƯƠNG THỨC NUÔI VỊT	25

I. Nuôi vịt chạy đồng	25
1. Thời vụ	25
2. Điều kiện thích hợp nuôi vịt chạy đồng	26
II. Nuôi vịt trên mặt nước giới hạn (trên ao hồ)	27
III. Nuôi nhốt thâm canh (nuôi vịt công nghiệp).....	28
IV. Nuôi vịt thịt	29
V. Nuôi vịt đẻ thương phẩm	38
VI. Nuôi vịt đẻ trứng giống	48
PHẦN 4. KỸ THUẬT NUÔI VỊT XIÊM	
(NGAN) CAO SẢN	51
I. Nuôi vịt con từ 0 - 3 tuần tuổi	52
II. Nuôi vịt từ 4 - 12 tuần	54
III. Nuôi vịt từ 13 - 25 tuần	55
IV. Quy trình ấp trứng vịt Xiêm nhân tạo	59
V. Kỹ thuật nuôi vịt Xiêm thịt	62
VI. Chăn nuôi ngỗng	65
PHẦN 5. MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP	
TRÊN VỊT VÀ NGỒNG	74
I. Bệnh viêm gan do virus ở vịt con	74
II. Dịch tả vịt, vịt Xiêm (Duck plague - DPV)	75
II. Bệnh tụ huyết trùng.....	77
IV. Bệnh thương hàn ở vịt và vịt Xiêm (Salmonellosis)	78
V. Bệnh nấm phổi (Aspergillosis)	80
VI. Bệnh nhiễm độc tố nấm mốc (Aflatycosis).....	81
VII. Bệnh do vi khuẩn <i>E.coli</i>	82
VIII. Bệnh viêm mũi truyền nhiễm	83
IX. Những xáo trộn do mất cân đối chất dinh dưỡng	84

PHẦN 6. KỸ THUẬT GIẾT MỔ VỊT, VỊT XIÊM ...	86
I. Vịt đạt tiêu chuẩn giết thịt	86
II. Kỹ thuật giết mổ	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI
THỦY CẦM
(Vịt, ngan, ngỗng)

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO DOANH

Phụ trách bản thảo: Nguyễn Phụng Thoại
Sửa bài: Đặng Ngọc Phan
Trình bày bìa: Lê Anh Vũ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
167/6 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 8523887 - 5760656 - 8521940

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bình Khiêm - Quận 1 - TP.HCM
ĐT: (08) 8297157 - 8299521

In 1030 bản khổ 13 x 19 cm tại Công ty In Bao bì và XNK Bộ Thủy sản. Giấp chấp nhận đề tài số 264/XB-QLXB do Cục Xuất bản cấp ngày 11/03/04. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2004



TỦ SÁCH KHUYẾN NÔNG CHO MỌI NHÀ



★ **Tủ sách phục vụ các chương trình:**

Xóa đói giảm nghèo, 5 triệu đồng/ha, Bưu điện văn hóa, Tủ sách xã, phường...góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp & phát triển nông thôn.

★ **Gồm các chủ đề:** Hướng dẫn chăn nuôi, trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh, dịch hại cho tất cả các loại cây con phổ biến ở Việt Nam.

★ **Sách** do các tác giả có uy tín của ngành nông nghiệp viết, Nhà xuất bản Nông nghiệp xuất bản.

Phát hành tại:

CTY PHÁT HÀNH SÁCH TP. ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 31 - 33 Yên Bái - Đà Nẵng

ĐT: 0511.821246 - 893010 • Fax: 0511.827145

Email: phsdana@dng.vnn.vn



Vịt Supermeat .



Vịt Bắc Kinh



Vịt Anh Đào



Vịt Khaki Campbell



Nuôi vịt kết hợp thả cá